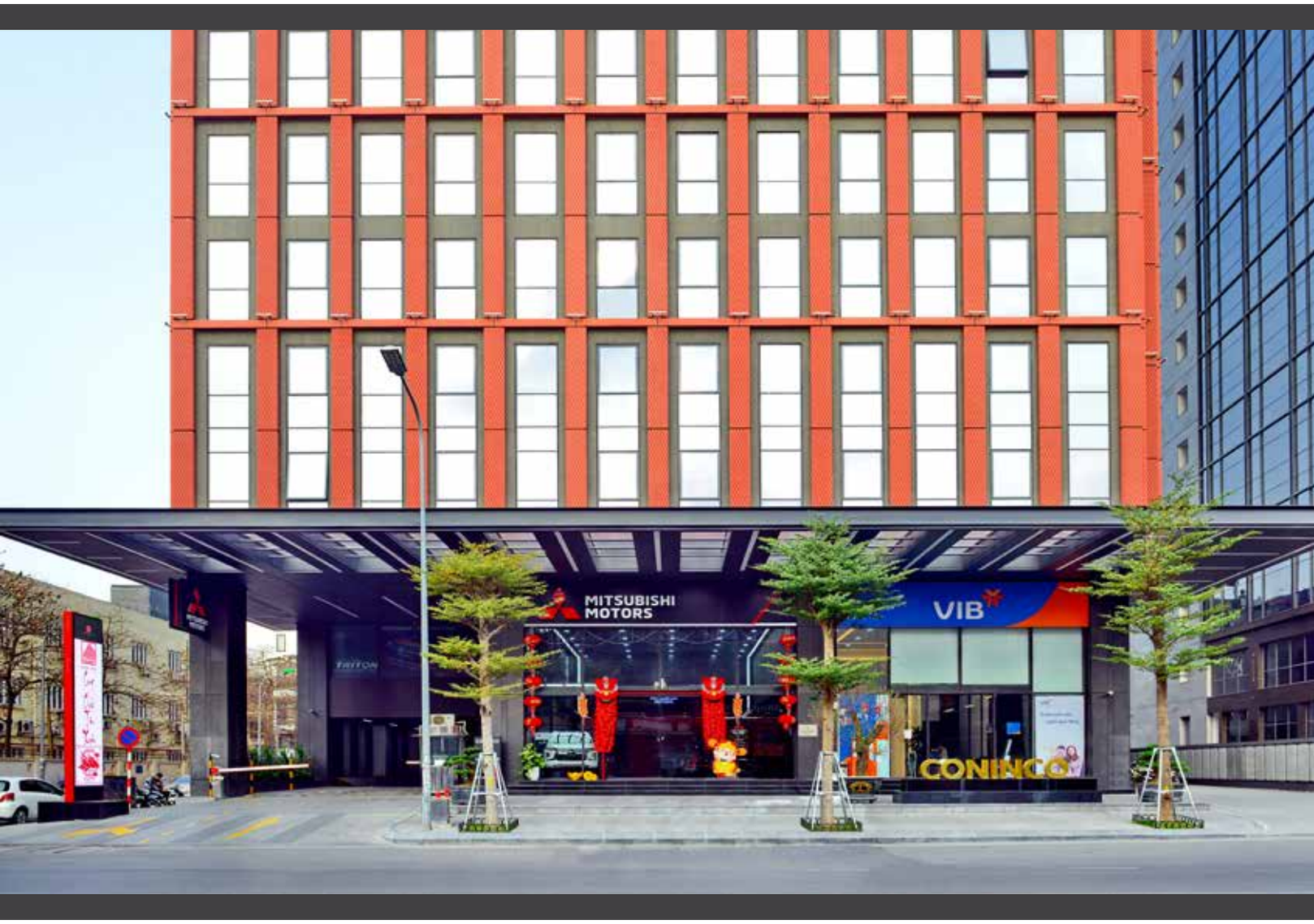
CONINCO

CHẮC CHẮN CHO TƯƠNG LAI



HỒ SƠ NĂNG LỰC

MỤC LỤC

1 Giới thiệu công ty

2 Danh mục thiết bị thí nghiệm

3 Cơ cấu tổ chức

4 Tài liệu pháp lý

5 Năng lực Công ty



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – CONINCO
Tên tiếng Anh	CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT
Tên viết tắt	CONINCO
Thông tin Trụ sở chính	Địa chỉ: Số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội Điện thoại : (+84-24) 38523706 Email: conincohn@coninco.com.vn Website: www.coninco.com.vn
Đăng ký kinh doanh	Số 0100106169 do sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hà Nội cấp Đăng ký lần đầu ngày 24/01/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/10/2021
Mã số thuế	0100106169
Chi nhánh	Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO (Tp. Hà Nội) Địa chỉ: Số 34 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM
Công ty tại nước ngoài	Công Ty TNHH MTV Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng CONINCO - LAO Địa chỉ: Số 012 Phonxavat Tay, Sikhotaboong, Thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào



Chắc chắn cho tương lai

Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO là một doanh nghiệp tư vấn đầu tư và xây dựng, hoạt động đa lĩnh vực, đa ngành nghề trong phạm vi cả nước, hợp tác kinh doanh với nhiều Công ty và Tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới.
Với triết lý "Chắc chắn cho tương lai", chúng tôi luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững cho chính Công ty và khách hàng của mình.

Triết lý kinh doanh

Với CONINCO, chúng tôi không ngại chia sẻ với các bạn những kiến thức và kinh nghiệm. Bởi chia sẻ là sự phát triển. Sự sống cũng bắt đầu từ sự chia sẻ, chỉ có chia sẻ và biết chia sẻ mới tồn tại mãi mãi.

Sứ mệnh

Khách hàng: Cung cấp dịch vụ tư vấn chất lượng, hiệu quả, đem lại lợi ích gia tăng cho khách hàng ngay hiện tại và trong tương lai.
Cộng đồng: Đem lại những giá trị phát triển bền vững cho môi trường, tiện nghi cho cuộc sống và chắc chắn cho tương lai.
Môi trường làm việc: Hành động để cùng tạo dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo, tự chủ, xây dựng thương hiệu cá nhân.

Tầm nhìn

Ở CONINCO, chúng tôi luôn nỗ lực không ngừng để trở thành một Công ty tư vấn xây dựng có "tầm nhìn toàn cầu - hành động thiết thực", trở thành mắt xích trong chuỗi liên kết các thương hiệu hàng đầu trên thế giới.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Viện nghiên cứu

1979 - 1984

Viện Nghiên cứu về cơ giới hóa và công nghệ xây dựng

Ngày 16/4/1979, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 156-CP quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước gồm 05 Viện Nghiên cứu, trong đó có Viện Nghiên cứu về Cơ giới hóa và công nghệ xây dựng.

Viện công nghệ

1985 - 1988

Viện Công nghệ và tổ chức xây dựng

Ngày 27/8/1985, đồng chí Đỗ Quốc Sam - Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước đã ký Quyết định số 102/UB-TCCB đổi tên Viện Nghiên cứu về cơ giới hóa và công nghệ xây dựng thành Viện Công nghệ và tổ chức xây dựng.

Viện cơ giới hóa

1988 - 1994

Viện Nghiên cứu về cơ giới hóa và công nghệ xây dựng

Cuối năm 1987, Quốc hội khóa VIII đã ra Nghị quyết sáp nhập Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước và Bộ Xây dựng thành Bộ Xây dựng. Ngày 03/8/1988, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký Quyết định số 894/BXD-TCLĐ đổi tên Viện Công nghệ và tổ chức xây dựng thành Viện Cơ giới hóa và công nghệ xây dựng.

Doanh nghiệp nhà nước

1994 - 2006

Công ty Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng

Ngày 04/3/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng, theo đó một số Viện nghiên cứu và thiết kế sẽ chuyển đổi thành Doanh nghiệp nhà nước.
Ngày 23/6/1994, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký quyết định số 438/BXD-TCLĐ thành lập Công ty Tư vấn công nghệ, thiết bị và Kiểm định xây dựng trên cơ sở sáp nhập Viện Cơ giới hoá và công nghệ xây dựng và Công ty kiểm định xây dựng.

Công ty Cổ phần

2006 - nay

Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước, theo Quyết định số 1770/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng về việc chuyển đổi Công ty Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng thành Công ty cổ phần.
Ngày 01/06/2016, Cổ phiếu Công ty CONINCO chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM, với mã cổ phiếu: CNN.



Ngành nghề kinh doanh chính

1. Hoạt động tư vấn xây dựng:

- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (bao gồm dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường);
- Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết kế các công trình xây dựng;
- Giám sát công tác khảo sát, thi công, lắp đặt thiết bị và hoàn thiện công trình xây dựng;
- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Kiểm định chất lượng: công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên;
- Quản lý dự án các công trình xây dựng;
- Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hoá, tuyển chọn tư vấn; thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài;
- Thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng;
- Tư vấn thiết kế các công trình nhà máy điện mặt trời có quy mô công suất lắp đặt đến 110MW; Tư vấn thiết kế các công trình đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 110kV; Tư vấn giám sát thi công các công trình nhà máy thủy điện có quy mô công suất lắp đặt đến 100MW; Tư vấn giám sát thi công các công trình điện mặt trời có quy mô công suất lắp đặt đến 100MW; Tư vấn giám sát thi công các công trình nhà máy điện gió có quy mô công suất lắp đặt đến 300MW; Tư vấn giám sát thi công các công trình đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 220kV;
- Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng; Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn; Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

2. Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng;

3. Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng và quản lý nguồn lao động;

4. Kinh doanh dịch vụ bất động sản;

5. Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh.

Chính sách chất lượng

Chính sách chất lượng của Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO là cung cấp các dịch vụ tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng với chất lượng cao nhất nhằm đáp ứng các nhu cầu và mong đợi của khách hàng bằng cách không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Công ty không ngừng hoàn thiện các dịch vụ theo hướng chuyên môn hóa cao, chú trọng hiệu quả công việc, bảo đảm chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng mọi yêu cầu một cách nhanh chóng, tạo lòng tin lâu dài cho khách hàng và tương lai vững chắc cho sự phát triển của Công ty với phương châm "Chắc chắn cho tương lai".

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 và cải tiến thường xuyên tính hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng.

Để đảm bảo Chính sách chất lượng được thực hiện, Công ty thiết lập các Mục tiêu chất lượng hàng năm trên cơ sở phù hợp với mục đích hoạt động của Công ty, chú trọng hướng tới khách hàng, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, không ngừng đào tạo và bồi dưỡng kiến thức cho toàn thể cán bộ nhân viên, tiến hành xem xét định kỳ, kịp thời và có hiệu quả Hệ thống, khắc phục, phòng ngừa, liên tục cải tiến và bảo đảm sẵn có, cung cấp phù hợp các nguồn lực cần thiết.

Công ty CONINCO phấn đấu trở thành tổ chức tư vấn có tầm cỡ trong khu vực, có quy mô đa nghề và có trình độ chuyên môn cao, giữ vai trò là một trong những đơn vị mạnh nhất trong cả nước về lĩnh vực tư vấn và kiểm định xây dựng.



ĐÀO TẠO & NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Xuất thân từ Viện Cơ giới hóa và công nghệ xây dựng, Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO tiếp tục kế thừa, phát huy truyền thống hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ và luôn được tín nhiệm giao thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, Nhà nước. Hội đồng khoa học của Công ty bao gồm các thành viên là các giáo sư, chuyên gia đầu ngành trong cả nước.

Bằng phát minh sáng chế độc quyền

- Nghiên cứu thiết kế, chế tạo giàn quay ly tâm sản xuất cột điện bê tông cốt thép cho lưới điện 220 KV, gồm nghiên cứu thiết kế dây chuyền công nghệ, giàn quay và khuôn, thiết kế & chế tạo các thiết bị kèm theo bảo đảm sự hoạt động đồng bộ của dây chuyền. Đây là công trình nghiên cứu thiết kế & chế tạo lần đầu tiên tại Việt Nam và hoạt động có hiệu quả. Công trình đã được cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích số HI-0083 do Cục sáng chế cấp năm 1992.
- Nghiên cứu thiết kế và chế tạo xe vận chuyển bê tông thương phẩm 4m^3.

Biên soạn, biên dịch tiêu chuẩn xây dựng

TC 34-12: TCVN Thiết bị đóng cọc - Yêu cầu an toàn
TC 35-12: TCVN Máy đào và chuyển đất - An toàn - Yêu cầu đối với máy đào thủy lực
TC 36-12: TCVN Máy đào và chuyển đất - An toàn - Yêu cầu chung
TC 68-13: TCVN Máy đào và chuyển đất - An toàn - Yêu cầu đối với máy ủi đầu kéo
TC 69-13: TCVN Máy đào và chuyển đất - An toàn - Yêu cầu đối với máy xúc lật
TC 70-13: TCVN Máy đào và chuyển đất - An toàn - Yêu cầu đối với máy xúc lật gầu ngược
TC 71-13: TCVN Thiết bị khoan - An toàn
TC 72-13: TCVN Giàn giáo thép ống - Yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm
TC 01-13: QCVN Giàn giáo, cốp pha thép trong xây dựng
TC 88-15: TCVN Thép tấm sử dụng làm cốp pha trong xây dựng - Các yêu cầu kỹ thuật
TC 105-15: TCVN Sản phẩm của hệ thống thoát nước bằng vật liệu PVC cường độ cao
TC 04-15: TCVN Hố ga cho hệ thống thoát nước bằng nhựa PVC cường độ cao

Nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu và biên soạn chỉ dẫn và quy trình thực hiện các công việc thẩm tra dự án, thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán;
- Nghiên cứu và biên soạn "Hướng dẫn lập chỉ dẫn kỹ thuật trong thi công các công trình dân dụng và công nghiệp", mã số TC 32-09;
- Biên soạn sổ tay "Hướng dẫn Quy hoạch chiếu sáng đô thị", mã số TC 73-13;
- Nghiên cứu và lập danh mục các tiêu chuẩn giàn giáo, ván khuôn dựa trên các tiêu chuẩn nước ngoài, mã số TC 84-13;
- Biên soạn sổ tay "Bộ mẫu Phiếu kiểm tra công việc xây dựng (Check list) và Quy trình giám sát nghiệm thu công trình xây dựng";
- Biên soạn sổ tay "Thư viện kết cấu thép – Thi công và nghiệm thu";
- Biên soạn TCCS 85:2018/VASECT "Gia cố nền đất yếu có sử dụng tro bay và xỉ lò cao – Quy trình tạo mẫu và xác định cấp phối".

Thế mạnh từ truyền thống


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CẤP

BẰNG ĐỘC QUYỀN

GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Theo quyết định số 14/QĐ

Đào tạo cán bộ

Ban lãnh đạo Công ty luôn khuyến khích các cán bộ nỗ lực học tập và đã áp dụng nhiều hình thức đào tạo như: Liên kết đào tạo ngắn hạn trong các chương trình phổ biến nâng cao kỹ năng do các chuyên gia hàng đầu trong và ngoài nước giảng dạy; Cử đi học nâng cao nghiệp vụ ngắn hạn và dài hạn, các chương trình đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ tại Việt Nam và các nước như Nhật Bản, Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Bỉ, Hàn Quốc, Đài Loan...

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI & CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Đại lý thiết bị Phòng cháy chữa cháy

CONINCO là đại lý chính thức cung cấp các sản phẩm Phòng cháy chữa cháy của Tập đoàn Yamato Protec - nhà sáng lập ra bình chữa cháy bọt và bình chữa cháy dạng bột đầu tiên ở Nhật Bản.
Hiện nay, Yamato Protec có 02 nhà máy đặt tại Bình Dương và Đồng Nai chuyên sản xuất bình chữa cháy, thang thoát hiểm và các thiết bị phòng cháy chữa cháy.
Tất cả các sản phẩm đều được sản xuất và kiểm soát chặt chẽ theo tiêu chuẩn hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001 - 2008 và được tổ chức DNV cấp chứng nhận.

YAMATO PROTEC

Japan's No.1 Top Share Brand of Fire Extinguishing System&Equipments

Hệ thống điều hòa bức xạ nhiệt

Với bề dày năng lực và kinh nghiệm của mình, CONINCO đã được Tập đoàn SamYang (Hàn Quốc) chuyển giao công nghệ Điều hòa bức xạ nhiệt.

Hệ thống điều hòa bức xạ nhiệt không chỉ cải thiện không khí trong phòng, không gây tiếng ồn cũng như các luồng khí gây khó chịu mà còn không ảnh hưởng đến mặt kiến trúc cũng như tạo ra không gian rộng rãi vì hệ thống được lắp đặt âm trần và âm sàn.

Môi trường trong phòng tiện nghi	Hiệu quả về mặt năng lượng	Hiệu quả về mặt kiến trúc





Vật liệu hoàn thiện nội thất

Công ty cổ phần CONINCO Thương mại và Xây dựng Việt Nhật (CONINCO - VJ) chuyên cung cấp vật liệu nội thất được nhập khẩu chính hãng từ các tập đoàn sản xuất vật liệu nội thất nổi tiếng như của Nhật Bản và thi công lắp đặt trang trí nội thất.

Công ty đã đầu tư và đưa vào sử dụng nhiều trang thiết bị, máy móc công nghệ cao của Nhật Bản để phục vụ cho việc thi công, lắp đặt trang trí nội thất cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

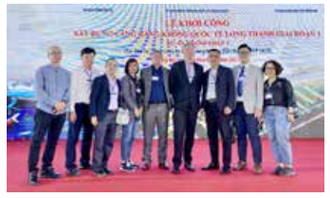
Ngoài ra, các vật liệu phục vụ cho quá trình thi công như keo và các phương tiện công nghệ hiện đại cũng đều được áp dụng dựa trên tiêu chuẩn Nhật Bản để đảm bảo tuổi thọ cho công trình.

HỢP TÁC QUỐC TẾ

Là một trong những thương hiệu tư vấn xây dựng hàng đầu tại Việt Nam, đến nay, CONINCO đã hợp tác với gần 100 tập đoàn, công ty lớn đến từ nhiều quốc gia phát triển trên thế giới (Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy Sỹ, Pháp, Đức, Úc, Canada, Mỹ,...), tự tin song hành cùng nhiều thương hiệu quốc tế trong lĩnh vực tư vấn xây dựng để cùng thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia. Những giá trị hợp đồng lớn, những giải thưởng chất lượng cao, những cơ hội học hỏi kiến thức, hợp tác đào tạo và chuyển giao công nghệ, cung cấp nguồn lao động chất lượng cho thị trường lao động nước ngoài đã mang đến cho CONINCO nhiều giá trị hữu hình cũng như vô hình.

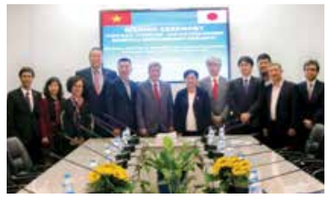
Nhằm phát huy các kết quả đã đạt được và hướng đến những thành công trong tương lai, CONINCO luôn định hướng phát triển hợp tác quốc tế để hội nhập, đưa tài nguyên, chất xám, công nghệ từ các tập đoàn lớn của thế giới, xóa bỏ khoảng cách "công nghệ" với các nước tiên tiến nhằm tạo ra các sản phẩm đạt đẳng cấp quốc tế, thực hiện mục tiêu lớn lao là đem lại dịch vụ hoàn hảo nhất cho khách hàng.

Trong tâm thế hội nhập toàn cầu khi CONINCO đã và đang được nhiều công ty lớn trên thế giới và các chủ đầu tư nước ngoài chủ động tìm đến như một đối tác tin cậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn mong muốn và không ngừng thúc đẩy hợp tác quốc tế toàn diện, chuyên nghiệp và thực sự toàn cầu với đối tác quốc tế khắp các châu lục, mở rộng cơ hội phát triển sản phẩm, dịch vụ thế mạnh của các bên cũng như quan hệ thương mại hóa song phương tại thị trường khu vực và trên thế giới.









DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM



HỆ THỐNG PHÒNG THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG HIỆN ĐẠI LAS-XD

Hệ thống phòng thí nghiệm xây dựng LAS-XD 60 (Hà Nội) và LAS-XD196 (Tp. Hồ Chí Minh) của chúng tôi được hình thành và phát triển trên cơ sở hợp nhất một số đơn vị của Viện cơ giới hóa công nghệ và tổ chức xây dựng với Công ty Kiểm định xây dựng – Bộ Xây dựng.

Hệ thống phòng LAS của CONINCO – thành viên của Mạng kiểm định chất lượng công trình xây dựng Việt Nam, hội viên Hội thử nghiệm không phá hủy Việt Nam, hội viên Hội Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị thí nghiệm kiểm định đồng bộ, hiện đại với công nghệ tiên tiến và được nhập khẩu từ các hãng thiết bị nổi tiếng tên thế giới như ELE, SHIMAZU, PDI... đáp ứng điều kiện là một phòng thí nghiệm đạt chuẩn trong khu vực và quốc tế, tuân thủ theo hệ thống quản lý chất lượng được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015.

TT	Loại thiết bị
A	Thí nghiệm cơ lý xi măng
1	Dụng cụ Vicat
2	Khuôn Le Chatelier
3	Bàn dằn quay tay
4	Khuôn 20x20x20mm
5	Khuôn 40x40x160mm
6	Thiết bị trưng mẫu
7	Sàng tiêu chuẩn 0.08mm
8	Bình thủy tinh Le Chatelier
9	Tủ đốt 1200 C
10	Bình hút ẩm
11	Cân phân tích

TT	Loại thiết bị
B	Thử nghiệm hỗn hợp bê tông
1	Côn thử độ sụt
2	Khuôn vuông 15x15x15cm
3	Khuôn trụ 15x30cm
4	Khuôn 5 lít
5	Thiết bị thử hàm lượng bọt khí
6	Nhớt kế Vebe
7	Máy nén 1500kN
8	Máy nén uốn 1000kN
9	Máy nén uốn 3000kN
10	Bộ cân thủy tĩnh
11	Khuôn tạo đầu mẫu bê tông







TT	Loại thiết bị
C	Thử nghiệm vữa
1	Thiết bị thử kéo đứt vữa
2	Khuôn 40x40x160mm
3	Thùng dưỡng mẫu
D	Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa (vật liệu cát, đá dăm sỏi dăm)
1	Khuôn chia mẫu
2	Dụng cụ đo đương lượng cát
3	Bình tỷ trọng
4	Khuôn 1lít
5	Thùng đong
6	Thùng ngâm
7	Bình hút ẩm
8	Tủ sấy ECOCELL
9	Bình gia nhiệt
10	Kính lúp
11	Máy quay mài mòn L.A
12	Máy nén 1500kN
13	Máy khoan, máy cưa cốt liệu
14	Bộ sàng tiêu chuẩn 30
15	Bộ sàng tiêu chuẩn 20
16	Khuôn thử nén dập trong xilanh
17	Bình thử bụi, bùn, sét
18	Bộ cân thủy tĩnh
E	Thử nghiệm gạch
1	Máy nén, uốn 200kN
2	Bình tỷ trọng
F	Thử nghiệm nhựa, bê tông nhựa
1	Thiết bị xác định độ kim lún
2	Thiết bị xác định độ giãn dài
3	Thiết bị xác định nhiệt độ hóa mềm
4	Bình tỷ trọng dùng cho nhựa đường
5	Bộ tạo mẫu bê tông nhựa
6	Máy quay ly tâm
7	Máy hút chân không
8	Máy nén Marshall + Vòng lực
G	Thử nghiệm nhựa đường Polime
1	Thiết bị thử độ kim lún
2	Bộ dụng cụ thử nhiệt độ hóa mềm
3	Máy kéo dài nhựa
4	Ống nhôm
5	Lò sấy: duy trì nhiệt độ ở 163 C
6	Thiết bị làm lạnh
7	Nhớt kế Brookfied
H	Thử nghiệm thép
1	Máy kéo, uốn 1000kN
2	Máy siêu âm mối hàn

TT	Loại thiết bị
I	Thử nghiệm vải địa, bấc thấm
1	Máy thử kéo, nén, CBR 1000 kN
2	Bình áp lực 100mm
3	Bình chia độ
4	Cân kỹ thuật
5	Hạt thuỷ tinh
J	Thử nghiệm đất
7	Cối đầm chặt TC 52 + chầy
8	Cối đầm chặt TC 00 + chầy
9	Cối đầm CBR + phụ kiện
10	Máy đầm chặt tiêu chuẩn
11	Máy thử CBR + vòng lực
12	Máy cắt phẳng của đất
13	Máy nén lún của đất
14	Thiết bị nén 3 trục
15	Bộ sàng tiêu chuẩn 20
16	Bộ sàng tiêu chuẩn 30
17	Thiết bị xác định giới hạn chảy
18	Bộ thí nghiệm tỷ trọng kế
19	Bình tỷ trọng
20	Thiết bị thử hệ số thấm
21	Cân chính xác 0.002g
22	Một số dụng cụ và hóa chất
K	Thử nghiệm tại hiện trường
1	Cần Benkelman + phụ kiện
2	Bộ phễu rót cát
3	Bộ dao vòng
4	Thước đo 3m
5	Dụng cu đo độ nhám mặt đường
6	Máy phóng xạ xác định dung trọng hiện trường
7	Thiết bị thử CBR hiện trường
8	Thiết bị thí nghiệm xuyên động
9	Bộ thiết bị thí nghiệm tải trọng tĩnh
10	Bộ thiết bị thí nghiệm SPT
11	Máy RADAR siêu âm lưới cốt thép trong cấu kiện bê tông
12	Máy khoan đa năng lấy lõi bêtông
13	Máy khoan lấy lõi bêtông ximăng
14	Máy khoan lấy lõi bêtông nhựa
15	Máy siêu âm cấu kiện bêtông
16	Máy siêu âm cốt thép (Prometter 5)
17	Máy siêu âm bêtông cọc khoan nhồi
18	Máy thử biến dạng nhỏ của cọc (PIT)
19	Máy thử biến dạng lớn của cọc (PDA)
20	Máy xuyên cắt cánh
21	Máy xuyên cắt thuận

TT	Loại thiết bị
L	Thử nghiệm kính
1	Máy đo ứng suất bề mặt - GASP
2	Máy đo độ xuyên quang – SD 2400
3	Máy đo hệ số truyền năng lượng bức xạ mặt trời – WE 2500
4	Máy đo chiều dày đa năng - Bohn
5	Máy quang phổ - 722N
6	Máy mài mòn bề mặt kính
7	Hệ khung va đập con lắc, bi rơi
8	Hệ khung, màn hứng kiểm tra khuyết tật ngoại quan
M	Thử nghiệm Đá ốp lát, gạch ốp lát
1	Máy mài mòn sâu
2	Máy mài mòn bề mặt
3	Bộ đá chuẩn thử độ cứng bề mặt theo thang Mohs
4	Máy đo hệ số giãn nở nhiệt dài
5	Máy đo hệ số giãn nhiệt ẩm
6	Bàn chuẩn và các đồng hồ chuyển vị
7	Máy xác định độ bền sốc nhiệt
8	Tủ sấy
9	Cân điện tử và thủy tĩnh
10	Máy kéo, nén vạn năng SHIMADZU
11	Bộ gá tiêu chuẩn
N	Thử nghiệm sơn
1	Tủ sấy




CƠ CẤU TỔ CHỨC

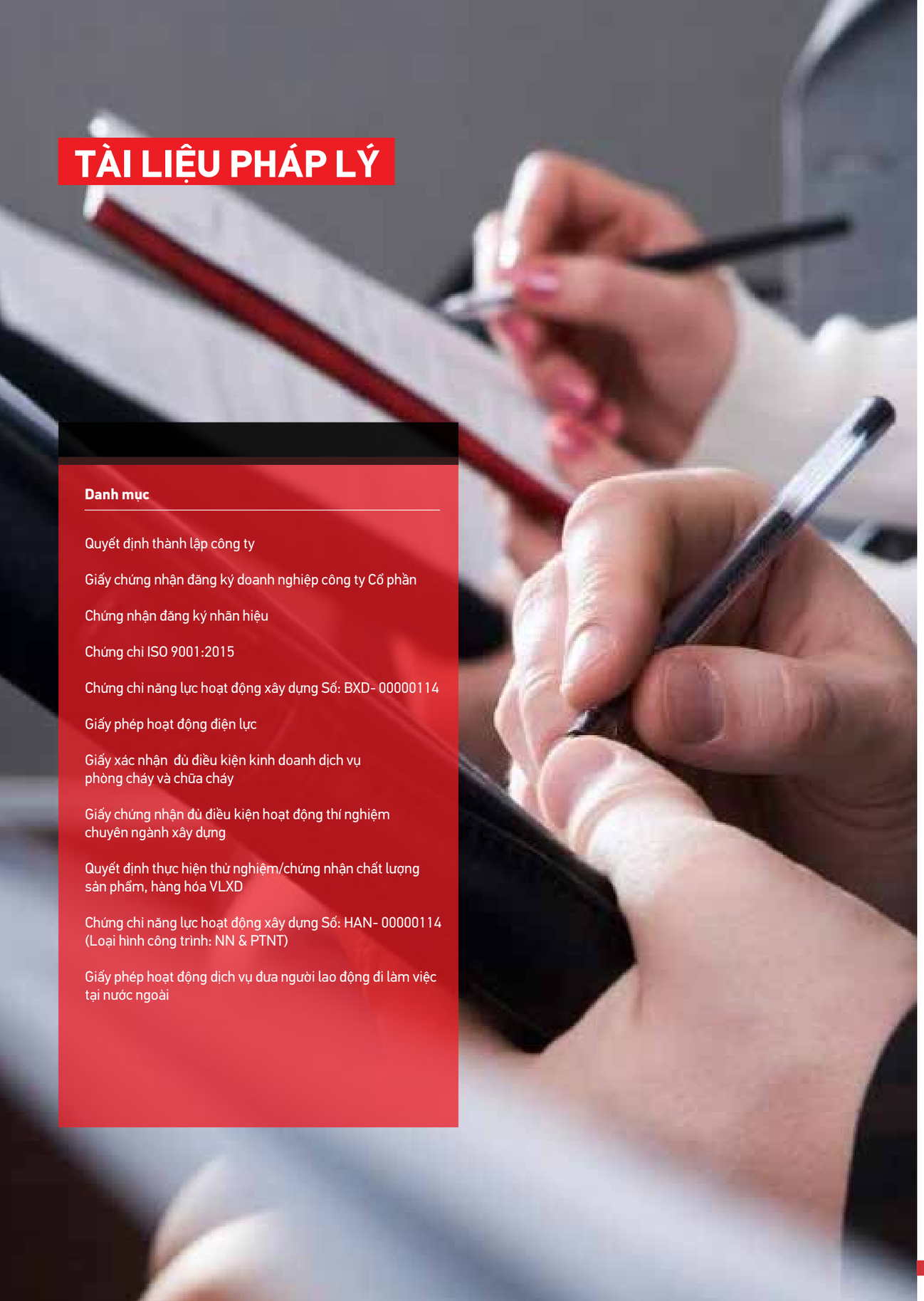
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ông Nguyễn Văn Công
Các Ủy viên	Ông Phan Ngọc Cương
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn
	Ông Hà Minh
	Ông Nguyễn Xuân Hải

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc	Ông Phan Ngọc Cương
Các Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn
	Ông Lê Ngọc Quang
	Ông Nguyễn Lương Bình
	Ông Nguyễn Hữu Trường
	Ông Nguyễn Đăng Quang
	Ông Nguyễn Huy Anh
	Ông Lê Thanh Minh
	Ông Nguyễn Minh Quân
	Ông Trần Thanh Hải
	Ông Nguyễn Đắc Phương
	Ông Lê Nguyên Giáp





TÀI LIỆU PHÁP LÝ

Danh mục

Quyết định thành lập công ty

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần

Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

Chứng chỉ ISO 9001:2015

Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng Số: BXD- 00000114

Giấy phép hoạt động điện lực

Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Quyết định thực hiện thử nghiệm/chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD

Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng Số: HAN- 00000114 (Loại hình công trình: NN & PTNT)

Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài

BỘ XÂY DỰNG
Số 1770/QĐ-BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chuyển Công ty Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng thành Công ty cổ phần

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 4/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 95/2006/TT-BTC ngày 12/10/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-BXD ngày 23/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng tại tờ trình số 1825/CT-CPH ngày 12/12/2006.

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp Bộ Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chuyển doanh nghiệp nhà nước: Công ty Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng thành Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng với những nội dung chủ yếu sau đây:

2.1. Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính của công ty cổ phần:

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng.

- Tên giao dịch quốc tế: CONSULTANTS AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT

- Tên viết tắt : CONINCO

- Trụ sở chính: Số 4 Phố Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2.2. Mô hình hoạt động của Công ty cổ phần .

Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng là công ty con trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con VC Group.

Tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần, Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng do công ty mẹ là Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam giữ cổ phần chi phối.

2.3. Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đăng ký kinh doanh theo Luật định.

2.4. Vốn, cổ phần

- Vốn điều lệ: 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ đồng Việt Nam). Vốn điều lệ được chia thành 2.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VNĐ. Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước: 1.122.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ

- Cổ phần của các cổ đông khác: 1.078.000 cổ phần, chiếm 49% vốn điều lệ.

2.4. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường

- Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết kế các công trình xây dựng.

- Thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng.

- Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hoá, tuyển chọn tư vấn; thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài.

- Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng.

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng

- Kiểm định chất lượng: công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên;

- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng

- Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng công trình theo hình thức "Chìa khoá trao tay".

- Thực hiện đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư.

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn

- Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng; thiết kế, khám nghiệm sửa chữa phục hồi bảo hành máy xây dựng, thiết bị công nghệ.

- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị

- Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức

- Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng.

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 3. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam chỉ đạo Công ty Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng hoàn tất quy trình cổ phần hoá công ty, bàn giao toàn bộ vốn, tài sản, lao động..., của công ty cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp Bộ Xây dựng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam, Giám đốc Công ty Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng, Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận
- Như điều 4
- Ban chỉ đạo đổi mới và PTDN
- Bộ Tài chính
- UBND TP Hà Nội
- Công đoàn Xây dựng Việt Nam
- Lưu VP, Vụ TCCB, Vụ KTTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0100106169

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 01 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 18 tháng 10 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT

Tên công ty viết tắt: CONINCO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 4, phố Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *84438523706* Fax: *84435741708*

Email: *conincohn@coninco.com.vn* Website: *www.coninco.com.vn*

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 88.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.800.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN CÔNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *06/08/1960* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *027060011653*

Ngày cấp: *23/08/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P14a I16B Tập thể Thành Công 2, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P14a I16B Tập thể Thành Công 2, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Duy Cương

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 73532

BẢN CẤP LẠI

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG (VN)
Số 4, phố Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Số đơn: 4-2003-03760

Ngày nộp đơn: 23.05.2003

Cấp theo **Quyết định số**: 6700/QĐ-SHTT, **ngày**: 10.07.2006

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

Cấp lại lần thứ: 01 **Theo Quyết định cấp lại số**: 2836/QĐ-SHTT, **ngày:** 30.10.2013

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
NATIONAL OFFICE OF INTELLECTUAL PROPERTY OF VIETNAM
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

VN 4-0073532

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Hữu Nam

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 73532

Mẫu nhãn hiệu:

Mầu sắc nhãn hiệu: Đỏ, vàng.

Loại nhãn hiệu: Thông thường

Nội dung khác:

Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 35: Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, quản lý dự án; lập hồ sơ mời thầu cho việc xây lắp, mua sắm hàng hóa, tuyển chọn tư vấn; thẩm định tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng, công trình cấp thoát nước và môi trường.

Nhóm 36: Tư vấn đầu tư, đầu tư cho các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư; đầu tư kinh doanh phát triển nhà, công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư; lập dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công trình cấp thoát nước và môi trường, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật.

Nhóm 37: Tổng thầu xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; khám nghiệm, sửa chữa phục hồi bảo hành thiết bị chịu áp lực, máy xây dựng, thiết bị công nghệ; kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, đánh giá giá trị còn lại và lập phương án sữa chữa công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho các công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải; trang trí nội ngoại thất.

Nhóm 41: Đào tạo trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng.

Nhóm 42: Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết kế các công trình dân dụng, công trình cấp thoát nước và môi trường, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật; tư vấn lập hệ thống đảm bảo chất lương công trình xây dựng; phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu cho việc xây lắp, mua sắm hàng hóa, tuyển chọn tư vấn; thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng; nghiên cứu chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng, thiết kế máy xây dựng, thiết bị công nghệ; chuyển giao kỹ thuật thiết bị chuyên dùng; lập báo cáo đánh giá tác động của môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn; thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: **73532**

Sửa đổi, gia hạn:

SỬA ĐỔI Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 73532

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO (VN)

Số 4, phố Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 16869/QĐ-SHTT, ngày: 31.10.2007

GIA HẠN Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 73532

đến ngày: 23.05.2023

Quyết định gia hạn số: 60708/QĐ-SHTT, ngày: 30.10.2013

MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE

Certificate no.:
10000309393-MSC-JAS-ANZ-VNM

Initial certification date:
11 November 2001

Valid:
11 November 2022 – 10 November 2025

This is to certify that the management system of

Consultant and Inspection Joint Stock Company of Construction Technology and Equipment (CONINCO.,JSC)

4 Ton That Tung Street, Trung Tu Ward, Dong Da District, Ha Noi City, Vietnam

has been found to conform to the Quality Management System standard:

ISO 9001:2015

This certificate is valid for the following scope:

Provision of Consultant & Inspection services in Construction

Place and date:
Singapore, 25 September 2022

For the issuing office:
DNV - Business Assurance
16 Science Park Drive, DNV Technology Centre, 118227, Singapore

Saravanan Gopal
Management Representative

Lack of fulfilment of conditions as set out in the Certification Agreement may render this Certificate invalid.

Accreditation by the joint accreditation system of Australia and New Zealand (www.jas-anz.org/register)
ACCREDITED UNIT: DNV Business Assurance Australia Pty Limited, Level 7, 124 Walker Street, North Sydney, NSW, 2060, Australia
TEL:+61 2 9900 9500. https://www.dnv.com.au/assurance/

BỘ XÂY DỰNG
CỤC QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00000114

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 25 /QĐ-HĐXD-DN ngày 14/6/2022 và Quyết định gia hạn số: 47 /QĐ-HĐXD-DN ngày 21/12/2021)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 0100106169

Ngày cấp: 24/1/2007.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: Nguyễn Văn Công Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ trụ sở chính: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội.

Số điện thoại: 024.3852.3706 Số fax:

E-mail: Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Khảo sát xây dựng: Hạng I
2. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình:
- Dân dụng; Công nghiệp; Giao thông; Hạ tầng kỹ thuật; Phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thủy lợi): Hạng I
3. Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình:
- Dân dụng; Công nghiệp; Giao thông; Hạ tầng kỹ thuật; Phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thủy lợi): Hạng I
4. Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng:
- Dân dụng; Công nghiệp; Giao thông; Hạ tầng kỹ thuật; Phục vụ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: Hạng I
5. Lập quy hoạch xây dựng:
- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng: Hạng I

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 21/12/2031.

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2022

CỤC TRƯỞNG

CỤC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Hoàng Quang Nhu

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54 /GP-ĐTĐL

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 3771/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Quan hệ công chúng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động điện lực cho:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO

2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 01 năm 2007, cấp thay đổi lần 7 ngày 22 tháng 02 năm 2018.

3. Trụ sở đăng ký: Số 4 phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.38523706 Fax: 024.35741708

Điều 2. Lĩnh vực hoạt động

1. Tư vấn thiết kế các công trình nhà máy điện mặt trời có quy mô công suất lắp đặt đến 100MW.

2. Tư vấn thiết kế các công trình đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 110kV.

3. Tư vấn giám sát thi công các công trình nhà máy thủy điện có quy mô công suất lắp đặt đến 100MW.

4. Tư vấn giám sát thi công các công trình điện mặt trời có quy mô công suất lắp đặt đến 100MW.

5. Tư vấn giám sát thi công các công trình nhà máy điện gió có quy mô công suất lắp đặt đến 300MW.

6. Tư vấn giám sát thi công các công trình đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 220kV.

Điều 3. Phạm vi và thời hạn hoạt động

1. Phạm vi hoạt động: Toàn quốc.

2. Thời hạn giấy phép: Đến ngày 30 tháng 03 năm 2026.

Điều 4. Quyền của đơn vị điện lực được cấp giấy phép

1. Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO được phép hoạt động theo lĩnh vực và phạm vi của giấy phép hoạt động điện lực.

2. Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO có các quyền theo quy định tại Điều 45 Luật Điện lực (đã được sửa đổi, bổ sung) và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp giấy phép

1. Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO có nghĩa vụ triển khai hoạt động chậm nhất 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động điện lực.

2. Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO có nghĩa vụ đảm bảo các điều kiện hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật trong suốt thời gian hoạt động.

3. Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO không được phép cho thuê, cho mượn, tự ý sửa chữa giấy phép hoạt động điện lực.

4. Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO có nghĩa vụ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

5. Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Điện lực (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Giấy phép hoạt động điện lực này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép hoạt động điện lực số 167/GP-ĐTĐL ngày 30 tháng 6 năm 2020 do Cục Điều tiết điện lực cấp cho Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO./.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC
BỘ CÔNG THƯƠNG

Nguyễn Anh Tuấn

Mẫu số PC34

CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Số: 263 /GXN-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/05/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PC&CC và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật PC&CC và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính Phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở;

Xét đề nghị của: Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ XÁC NHẬN:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106169 cấp ngày 24 tháng 01 năm 2007, cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trụ sở tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là: Nguyễn Văn Công.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CCCD/ Hộ chiếu số: 027060011653, Cơ quan cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/08/2021.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P14a I16B tập thể Thành Công 2, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (theo danh mục kèm theo)./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO; (để thực hiện)
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Dương Đức Hải - PGĐ CATP; (để báo cáo)
- Công an quận Đống Đa; (để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2(Thịnh).

Hà Nội, ngày 16. tháng08. năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Phạm Trung Hiếu

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ
ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số: 263. /GXN-PCCC ngày 16. tháng08.. năm 2024 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an thành phố Hà Nội)

TT	Ngành, nghề được phép kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	Mã ngành	Ghi chú
1	Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;	**7110**	
2	Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy.	**4659**	

Doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO** chỉ được phép hoạt động kinh doanh dịch vụ PCCC đối với các ngành nghề kinh doanh được nêu tại danh mục này.

Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận số 60/GXN-PCCC ngày 26/04/2018 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội (trước đây)./.

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 10/02/2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO

Mã số thuế: 0100106169

Địa chỉ: 04, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm Kiểm định xây dựng và môi trường

Địa chỉ phòng thí nghiệm: số 26 ngõ 543 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 60**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 124/GCN-BXD ngày 08/2/2018./.

Nơi nhận:
- Công ty CP Tư vấn Công Nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng-CONINCO;
- Sở XD Hà Nội;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 60

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 23 /GCN-BXD, ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Thử nghiệm cơ lý xi măng	
1.	Xác định độ min, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 2003
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016: 2011
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, xác định tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4.	Xác định thời gian đông kết	TCVN 8875:2012
	Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
5.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
6.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
7.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
8.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
9.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
10.	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022
11.	Xác định độ co	TCVN 3117:2022
12.	Xác định giới hạn bền khi nén (cường độ nén)	TCVN 3118:2022
13.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
14.	Xác định gới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022
	Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa	
15.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
16.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
17.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
18.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp, độ hổng	TCVN 7572-6:2006
19.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
20.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
21.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
22.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
23.	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
24.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
25.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
26.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006
27.	Xác định hàm lượng ion Clo	TCVN 7572-15:2006
28.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
	Tấm sóng amiang xi măng	
29.	Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 4435:2000
30.	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4435:2000
	Thử nghiệm cơ lý vữa xây dựng	
31.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
32.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
33.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
34.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
35.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
36.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
	Thử nghiệm cơ lý gạch xây đất sét nung	
37.	Xác định hình dạng, kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:2009
38.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
39.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
40.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
41.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
42.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
43.	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
44.	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009
	Thử nghiệm gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch Terazo	
45.	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, mầu sắc, độ rỗng; Xác định cường độ nén, uốn; Xác định độ hút nước, Độ bền mài mòn; Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016; TCVN 6476:1999; TCVN 7744:2013; TCVN 6065:1995
	Thử nghiệm gạch bê tông khí chưng áp AAC; gạch bê tông bọt, tấm tường ACC	
46.	Xác định kích thước; khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định khối lượng thể tích khô; độ co khô; Xác định độ ẩm; Độ hút nước	TCVN 9030:2017; TCVN 12868:2020
	Thử nghiệm gạch ốp lát, đá ốp lát	
47.	Xác định kích thước, độ ổn định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016;TCVN 8057:2009; TCVN 4732:2016; TCVN 7744:2013 BS EN 1341; BS EN 14617; EN 13373
48.	Xác định hút nước, khối lượng thể tích, độ rỗng	TCVN 6415-3:2016 EN 13755; BS EN 14617; ASTM C97; BS EN 14617; EN 1936
49.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016 ASTM C99/ ASTM C880; EN 12372; BS EN 14617; ASTM C880
50.	Xác định độ bền mài mòn bề mặt, mài mòn sâu	TCVN 6415-6:2016; TCVN 6415-7:2016; TCVN 4732:2016 ASTM C241; BS EN 14617; EN 14157
51.	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016; BS EN 14617
52.	Xác định độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2016
53.	Xác định độ bền hóa học	TCVN 6451-13:2016; BS EN 14617
54.	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2016
55.	Xác định độ bền chống trơn, trượt/ hệ số ma sát	TCVN 6415-17:2016; EN 14231
56.	Xác định độ cứng bề mặt	TCVN 6415-18:2016
57.	Xác định độ bền nén	BS EN 14617/ ASTM C170
58.	Hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016
59.	Hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415-10:2016
	Thử nghiệm kính	
60.	Xác định khuyết tật ngoại quan; xác định kích thước hình học; độ cong vênh; biến dạng quang học	TCVN 7219:2018;ASTM C1036; ASTM C 1503; EN 572; JIS R 3209; JIS R 3205; JIS R3206; JIS R 3222; AS/NZS 2208; TCVN 6758:2015; BS EN 1036-1; ASTM C 1503
61.	Xác định sai lệch vân hoa	TCVN 7527:2005
62.	Xác định sai lệch lưới thép	TCVN 7456:2004
63.	Xác định độ bền va đập	TCVN 7368:2013; TCVN 6758:2015; JIS R 3205; JIS R3206; BS 6206; AS/NZS 2208; ANSI Z97.1
64.	Xác định độ bền nhiệt độ cao (điều kiện ẩm; điều kiện khô); xác định độ bền ẩm	TCVN 7364:2018; TCVN 6758:2015; TCVN 9808:2013; JIS R3205; AS/NZS 2208; ANSI Z97.1;
65.	Xác định ứng suất bề mặt kính, cạnh kính; số lượng mảnh vỡ kính	TCVN 7455:2013; TCVN 8261:2009; JIS R 3222; JIS R 3206; BS 6206; AS/NZS 2208; ANSI Z97.1; TCVN 6758:2015
66.	Xác định độ bám dính sơn trên bề mặt bảo vệ	TCVN 7625:2007
67.	Xác định độ bền bức xạ	TCVN 7364:2018; TCVN 7528:2005
68.	Xác định độ bền axit, kiềm, nước	TCVN 7528: 2005; TCVN 9808:2013; TCVN 1046:2004
69.	Xác định điểm sương, Xác định độ kín	JIS R 3209; TCVN 8260:2009
70.	Xác định độ bền phun mù muối	BS EN 1036, EN ISO 9277; ASTM B117; TCVN 7625:2007
71.	Xác định chiều dày lớp bạc, đồng kính gương	TCVN 7625:2007
72.	Xác định độ bền mài mòn	TCVN 6758:2015; TCVN 7528:2005
73.	Xác định hệ số truyền nhiệt, hệ số cách nhiệt	TCVN 8260:2009; TCVN 9502:2013 ASTM C518:2010; ASTM C1155/C1046; JIS R 3107; NFRC 100
74.	Xác định các chỉ số quang học: Truyền/ phản xạ ánh sáng; truyền/phản xạ năng lượng bức xạ mặt trời trực tiếp; tổng năng lượng bức xạ mặt trời truyền qua (SHGC); Xác định độ xuyên bức xạ tử ngoại; hệ số ngăn chặn nhiệt mặt trời; hệ số bức xạ	TCVN 7737:2007; TCVN 8260:2009; TCVN 7625:2007; TCVN 7529:2005; TCVN 7528:2005; ISO 9050; EN 410; NRFC 200/300; ASTM E903; JIS R 3209; JIS R 3106;
	Thử nghiệm sơn, bột bả, vật liệu chống thấm	
75.	Xác định thời gian đông kết	ISO 9597:2008; TCVN 6017:2015
76.	Xác định độ giữ nước; xác định cường độ bám dính; xác định độ cứng bề mặt	TCVN 7239:2014; ASTM D3363; TCVN 2098:2007
77.	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
78.	Xác định độ nhớt	TCVN 2092:2013; ASTM D 2196
79.	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
80.	Xác định thời gian khô; xác định độ chịu nhiệt; xác định độ xuyên nước, xác định độ bền lâu	TCVN 2096-1:2015; TCVN 6557:2000
81.	Xác định độ bám dính màng sơn	TCVN 2097:2015
82.	Xác định độ bền uốn của màng	TCVN 2099:2013
83.	Xác định độ bền va đập	TCVN 2100-2:2013/ISO 6272-2;
84.	Xác định độ bóng	TCVN 2101:2016; ISO 2813:2014
85.	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2008
86.	Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2:2012
87.	Xác định độ bền kiềm	TCVN 8653-3:2012; TCVN 9014:2011
88.	Xác định độ rửa trôi	TCVN 8653-4:2012
89.	Xác định chu kỳ nóng, lạnh	TCVN 8653-5:2012
90.	Xác định độ thấm nước	TCVN 8652:2020
91.	Trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công và độ ổn định ở nhiệt độ thấp, ngoại quan màng sơn; xác định tính đồng nhất	TCVN 8653-1:2012 TCVN 9014:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
92.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ bay hơi	TCVN 10370:2014; TCVN 10369:2014
93.	Xác định độ bền ẩm	ASTM D2247
94.	Xác định khả năng chịu nước muối, xác định thời gian sống; xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 9014:2011; TCVN 2093:1993
95.	Xác định khả năng chịu môi trường	TCVN 8789:2011
	Thử nghiệm tấm trần thạch cao	
96.	Xác định kích thước, độ sâu gờ vuốt thon	TCVN 8257-1:2009
97.	Xác định độ cứng gờ, lõi, cạnh; độ bền uốn, độ bền kháng nhổ đinh	TCVN 8257-2÷4:2009
98.	Xác định độ biến dạng ẩm, độ hút nước, hấp thụ nước bề mặt, độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257-5÷8:2009
99.	Xác định hợp chất lưu huỳnh dễ bay hơi	ASTM 471M:16a
	Thử nghiệm tấm trần xi măng sợi	
100.	Xác định kích thước	TCVN 8259-1:2009
101.	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8259-2:2009
102.	Xác định độ co giãn ẩm, độ bền chu kỳ nóng lạnh, khả năng chống thấm nước	TCVN 8259-4,5,6:2009
103.	Xác định độ bền nước nóng	TCVN 8259-7:2009
	Thử nghiệm cơ lý dung dịch BENTONITE	
104.	Xác định khối lượng riêng; độ ổn định; độ nhớt, độ pH, lực cắt tĩnh, hàm lượng cát, độ dày áo sét, lượng tách nước, tỉ lệ keo	TCVN 11893:2017
	Thử nghiệm vách dựng, cửa sổ, cửa đi	
105.	Xác định kích thước; khuyết tật ngoại quan	TCVN 7452:2004; TCVN 7451:2004; TCVN 9366:2012
106.	Lực đóng mở cửa	TCVN 7452:2004; TCVN 9366:2012 ISO 8274
107.	Độ kín nước; độ lọt/ kín khí; độ giảm âm	TCVN 7452-1÷2:2021; AS/NZS 4284:2008; ASTM E331; ASTM E283 EN 1027; AAMA 501.1; AAMA 501.2; EN 12208; EN 1206; EN 12207; SS 212; SS 268; SS 381
108.	Độ bền kết cấu dưới áp lực gió	TCVN 7452-3:2021; AS/NZS 4284 ASTM E330; EN 12210; EN 12211; SS 212; SS 268; SS 381
109.	Xác định dịch chuyển ngang khung kết cấu	AS/NZS 4284
	Thử nghiệm cơ lý gỗ	
110.	Xác định độ hút ẩm, độ ẩm	TCVN 8046:2009; TCVN 8048-1:2009
111.	Thử nghiệm nén vuông góc với thớ	TCVN 8048-5:2009
112.	Xác định ứng suất kéo song song, vuông góc với thớ, ứng suất cắt song song với thớ	TCVN 8048-6,7,8:2009
113.	Xác định độ giãn nở theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 8048-15:2009
114.	Xác định độ giãn nở thể tích	TCVN 8048-16:2009
115.	Đặc trưng hình học/ kích thước	TCVN 7756-2:07; TCVN 11904:2017; ISO 2433; TCVN 11945-1:2018; TCVN 8574:2010; TCVN 10574:2014
116.	Xác định độ ấn lõm và vết lõm lưu lại	TCVN 11944:2018; ISO 24343
117.	Xác định độ bền mối ghép nối cơ học	TCVN 11952:2018; ISO 24334

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
118.	Xác định mô đun đàn hồi uốn và độ bền uốn	TCVN 7756-6:07; TCVN 12446:2018; TCVN 12444:2018; ISO 16978; TCVN 8048-3:2009
119.	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 7756-7:07; TCVN 12447:2018
120.	Xác định độ bền bề mặt	TCVN7756-10:2007; TCVN 11906:2017
121.	Xác định lực bám giữ đinh vít	TCVN7756-11:2007;TCVN 11907:2017
122.	Xác định độ thay đổi kích thước theo độ ẩm tương đối	TCVN 10311:15; TCVN 11951:2018
123.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 5694:2014; TCVN 7756-4:2007; TCVN 8574 : 2010
124.	Xác định độ trương nở chiều dày	TCVN 11950:2018; TCVN 7756-5:2007; ISO 16983; TCVN 12445:2018
125.	Thử ngâm và tách lớp; thử nghiệm nhiệt độ cao thấp theo chu kỳ	TCVN 11204:2015
126.	Xác định hàm lượng formandehyt	TCVN1TCVN11899-1,2:2020;TCVN7756-12:20071899-1,2:2020;TCVN7756-12:2007
	Thử nghiệm cơ lý bê tông nhựa	
127.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
128.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
129.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
130.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
131.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
132.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
133.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
134.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
135.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
136.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
137.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
138.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
	Thử nghiệm nhựa Bitum	
139.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
140.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
141.	Xác định nhiệt điểm hoá mềm	TCVN 7497:2005
142.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
143.	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
144.	Xác định độ hoà tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:2005
145.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
146.	Xác định độ nhớt động học (Brookfield)	TCVN 7502:2005
147.	Xác định hàm lượng parafin	TCVN 7503:2005
148.	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
	Thử nghiệm nhựa đường lỏng	
149.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
150.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
151.	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
152.	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Thử nghiệm nhũ tương nhựa đường axit	
153.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
154.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
155.	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
156.	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
157.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
158.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
159.	Xác định độ bám dính và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
160.	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
161.	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
162.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
163.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
164.	Xác định trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
165.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
166.	Xác định độ bám dính với với cốt liệu hiện trường	TCVN 8817-15:2011
	Thử nghiệm vữa, keo dán gạch, keo chít mạch, keo silicon	
167.	Cường độ bám dính; Thời gian mở; Độ trượt; Cường độ nén; Cường độ uốn; Độ co ngót; Độ chịu mài mòn; Độ hút nước; Độ chảy; Khả năng đùn chảy; Thời gian không dính bề mặt; Xác định độ cứng Shore A	TCVN 7899 : 2008; TCVN 8267:2009; TCVN 9974:2013
	Tấm Aluminium composite	
168.	Xác định sai lệch kích thước, hình dạng; Thử nghiệm bẻo gập; xác định độ mòn bề mặt, Xác định độ bền uốn, modun đàn hồi; xác định độ cứng bút chì	TCVN 5841 : 1994; ASTM D790-03; ASTM D648-07; ASTM E376; ASTM D523; ASTM D3363; ASTM D4145; ASTM D3359; GB/T 17748; ASTM D968; ASTM D870; ASTM D1308; GB/T 17748; ASTM D903
	Tấm compact, tấm laminate (fomica), tấm cách nhiệt	
169.	Sai lệch kích thước, độ thẳng cạnh, độ vuông góc, độ phẳng; Độ bền nén; Độ bền va đập; Độ bền ngâm nước sôi	TCVN 5841:1994; TCVN 5819:1994; ASTM D621; ASTM D5628
	Băng chặn nước, vật liệu cao su	
170.	Độ bền kéo, độ dãn dài khi đứt; Độ cứng Shore A; Tỷ lệ thay đổi khối lượng sau lão hóa nhiệt; Khối lượng riêng; Độ bền hóa chất, trương nở; Độ bền xé rách; Độ hấp phụ nước	TCVN 4509:2020; TCVN 9407:2014; TCVN 1595:2007; TCVN 4866:2007; TCVN 2752:2008; TCVN 1597:2006
	Thử nghiệm vật liệu kim loại và liên kết hàn	
171.	Xác định độ bền kéo	TCVN 197-1:2014; ISO 6892-1 ASTM B 557 M; TCVN 12513-2:2018; ISO 6362-2:2014; JIS H 4100; JIS Z 2248 JIS Z 2244; JIS H 4000; ISO 898-1÷7 ASTM A 751
172.	Xác định thử nghiệm uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005) ISO 6892-1 ASTM B 557 M; TCVN 12513-2:2018; ISO 6362-2:2014 JIS H 4100; JIS Z 2248; JIS Z 2244; JIS H 4000
173.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại: thử uốn; Thử va đập	TCVN 5401:2010; TCVN 5402:2010
174.	Kích thước hình học	TCVN 12513:2018; TCVN13065:2020
175.	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại: thử kéo ngang; thử kéo dọc	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
176.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2018
177.	Xác định độ cứng kim loại	TCVN 258-1:2007; TCVN 257-1:2007; TCVN 256-1:2006
178.	Xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 9406:2012; TCVN 5878 : 2007
179.	Vật liệu kim loại ống: thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; ISO 8492:1998
180.	Xác định thành phần hóa học kim loại	ASTM E415:2015; ASTM E478:2008; ASTM E1251:2011; TCVN 12513-7:2018; ISO 6362-7:2014; JIS H 4100; JIS H 4000
	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng	
181.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
182.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
183.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
184.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012
185.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
186.	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012
187.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
188.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
189.	Thí nghiệm CBR	22TCN 332:2006
	Thử nghiệm tại hiện trường	
190.	Cọc - phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
191.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
192.	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
193.	Xác định chiều dầy lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông bằng phương pháp điện từ	TCVN 9356:2012
194.	Xác định độ lún công trình dân dựng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
195.	Thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
196.	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945
197.	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
198.	Xác định dị vật trong kết cấu công trình bằng máy quét sóng RADA	ASTM D6432:2011
199.	Kiểm tra độ ăn mòn của thép trong bê tông	TCVN 9348:2012; ASTM C876:2009
200.	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012
201.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8730:2012; 22TCN 02:1971
202.	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 346:2006; ASTM D1556:06

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
203.	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
204.	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
205.	Xác định modul đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
206.	Thí nghiệm CBR	TCVN 8821:2011; ASTM-D4429:1992
207.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn: phương pháp bột từ	TCVN 4396:2018
208.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn: phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617:2018
209.	Thử nghiệm kiểm tra lực kéo nhổ bu lông; lực cắt bu lông	ASTM E488:2015
210.	Phương pháp xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012
211.	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén; Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13536:2022; TCVN 13537:2022
212.	Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa – Nhà và công trình xây dựng dạng tháp	TCVN 9400:2012
213.	Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020; TCXDVN 239:2006
214.	Phương pháp đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
215.	Phương pháp đánh giá mức rung động và chấn động đối với công trình	TCVN 7378:2004; TCVN 6962:2001; TCVN 6963:2001
216.	Bê tông: Xác định cường độ kéo nhổ	TCVN 9490:2012; ASTM C900
	Thử ống	
217.	Xác định ngoại quan và kích thước hình học	TCVN 7305-2:2008; TCVN 6145:2007
218.	Xác định độ bền thủy tĩnh; xác định độ kín	TCVN 6149-1÷3:2007; EN 1277:2003
219.	Xác định sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007
220.	Xác định độ bền kéo, độ giãn dài khi đứt; độ bền va đập, độ cứng vòng, xác định độ bền nén	TCVN 7434-1÷3:2004; TCVN 8850:2007; EN 12256; ISO 13951; ISO 13953; ISO 13954; ISO 13955; ISO 13957; EN 12061; ISO 9854-1÷2; EN 744; EN 802; TCVN 10769:2015; TCVN 10967:2015; TCVN 11995:2017
221.	Xác định độ bền phá hủy trong điều kiện lệch dạng	TCVN 10969:2015
222.	Xác định nhiệt độ mềm hóa vicat	TCVN 6147-1:2003; TCVN 6242:2011
223.	Xác định độ bền với dictometan	TCVN 7306:2008
224.	Xác định độ bền với hóa chất	TCVN 9070:2012
	Ống gang	
225.	Xác định kích thước	ISO 2531; TCVN 10177:2013
226.	Xác định: độ bền kéo, độ cứng	TCVN 10177:2013; TCVN 256:2006; ISO 6506; ISO 2531
227.	Xác định độ kín	ISO 2531; TCVN 10177:2013
	Ống và phụ tùng dùng để bảo vệ và lắp đặt dây điện trong nhà. Hệ thống thang cáp và máng cáp sử dụng trong lắp đặt điện tại công trình	
228.	Xác định kích thước, hình học	TCVN 10688:2015; IEC 61537:2006
229.	Xác định độ bền nén; xác định độ bền chịu va đập; độ bền uốn; độ bền ép theo chiều dọc	TCVN 10688:15; IEC 61537:06 IEC 61386-1:08; BS EN 61386-1:08
230.	Xác định khả năng chịu nhiệt	TCVN 10688:2015; IEC 61537:2006 IEC61386-1:2008; BS EN 61386-1:2008
	Tấm tường nhẹ ba lớp xen kẹp, tấm tường bê tông đúc sẵn	
231.	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 12302:2018; TCVN 11524:2016
232.	Độ bền va đập	TCVN 11524:2016
233.	Cường độ bám dính	TCVN 9349:2012
234.	Độ bền treo vật nặng	TCVN 12302:2018; TCVN 11524:2016
	Hệ khung treo kim loại cho tấm trần	
235.	Xác định kích thước hình học; xác định khả năng chịu tải của thanh chính	TCVN 12694:2020; ASTM C635/C635M-17
236.	Thử nghiệm độ ẩm cao	ASTM D1735
	Sứ vệ sinh	
237.	Dung sai, ngoại quan, khả năng chống bám bẩn	TCVN 12650:2020/ BS 3402 ASTM 112.19.2-18, JIS A 5207
238.	Độ sâu nước bịt kín, đặc tính xả, độ hút nước	TCVN 12649:2020; TCVN 12651:2020; BS EN 997; ASTM 112.19.2-18, JIS A 5207
239.	Khả năng chịu tải, thoát nước, chống xước, xác định tốc độ chảy tràn	TCVN 12648:2020/BS EN 14688; ASTM 112.19.2-18, JIS A 5207
240.	Ngoại quan, kích thước, độ hút nước, độ bền nhiệt, bền hóa, rạn men, độ cứng bề mặt, độ thấm mực, tính năng sử dụng	TCVN 12647:2020
	Ván sàn gỗ nhựa	
241.	Xác định khuyết tật ngoại quan và kích thước; xác định tỉ lệ thay đổi kích thước khi hút nước, xác định tỉ lệ thay đổi kích thước khi gia nhiệt; khả năng chống trượt	TCVN 11352:2016
	Khung vách ngăn bằng thép	
242.	Kích thước, hình dạng, kiểm tra cạnh, khả năng xuyên vít, khả năng chịu tải	ASTM C645
	Ngói lợp	
243.	Xác định khuyết tật ngoại quan và kích thước	TCVN 1452:2004; TCVN 9133:2011
244.	Xác định: độ hút nước, tải trọng uốn gãy, khối lượng 1 m^2.	TCVN 4313 : 1995
	Thanh profile nhựa	
245.	Xác định độ bền va đập bi rơi của thanh profile	BS EN 477
246.	Xác định ngoại quan sau khi lưu hóa nhiệt ở 150^{0}C; xác định độ ổn định kích thước sau khi lưu hóa nhiệt	BS EN 478; BS EN 479
247.	Xác định độ bền góc hàn; xác định độ bền uốn	BS EN 12608; EN 514; ISO 178
248.	Xác định độ bền va đập Charpy/Izod	BS EN 12608; ISO 179

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 338 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng – Coninco (Tp. Hà Nội) và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 29/10/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng – Coninco (Tp. Hà Nội),

Mã số thuế: 0100106169001

Địa chỉ: 34 Phổ Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 34 Phổ Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 196**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Giấy chứng nhận số 806/GCN-BXD ngày 26/11/2018 của Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng – Coninco (Tp. Hà Nội);
- Sở XD Tp. Hồ Chí Minh;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 196

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 338 /GCN-BXD, ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
1	**THỬ NGHIỆM XI MĂNG**	
	Thí nghiệm độ mịn, bề mặt riêng, khối lượng riêng	TCVN 4030:2003; ASTM C188, C184, C150, C204; AASHTO T133, T153, T192, T128; JIS R5201; BS 4550, BS EN 196
	Thí nghiệm giới hạn bền uốn, nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109, C348, C349, C190; AASHTO T106; JIS R5201; ISO 679; BS 4550, BS EN 196
	Thí nghiệm độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 10653:2015; ASTM C191, C187, C185, C150; AASHTO T131, T129; JIS R5201; ISO 9597; BS EN 196
	Thí nghiệm nhiệt thủy hóa	TCVN 11970:2018, TCVN 6070:2005; ASTM C186, C185, C18; JIS R5203; BS EN 196
	Thay đổi chiều dài thanh vữa trong môi trường sulfate	TCVN 7713:2007; ASTM C1012
	Thí nghiệm độ nở sulfate	TCVN 6068:2004; ASTM C452
	Xi măng – Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009; ASTM C183; AASHTO T127
	Thí nghiệm phân tích hóa học xi măng	TCVN 141:2008; TCVN 6820:2001; ASTM C114, C150, C452; AASHTO T105; BS EN 196
2	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG**	
	Lấy mẫu, chế bị và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C172; C42; AASHTO T141; T23; T24; T126; JIS A1107 ; BS 1881
	Thí nghiệm độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119; JIS A1101; ISO 1920 ; BS 1881; BS EN 12350
	Thí nghiệm độ cứng Vebe hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022; ASTM C1170; BS 1881; BS EN 12350
	Thí nghiệm khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; ASTM C138; AASHTO T121; JIS A1116; BS 1881; BS EN 12350
	Thí nghiệm độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; ASTM C232, C940; AASHTO T158; JIS A1123 ; BS EN 12350; BS EN 480
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110 :1993
	Thí nghiệm hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111: 2022; ASTM C231, C185, C173, C138, C137; AASHTO T152; JIS A1128; BS EN 12350
	Thí nghiệm khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022; ASTM C642; BS 1881; BS EN 12390
	Thí nghiệm độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022; ASTM C642; BS 1881; BS EN 12390
	Thí nghiệm độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:2022; ASTM C779, C131
	Thí nghiệm khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C642; AASHTO T121; BS 1881; BS EN 12390
	Thí nghiệm độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022; ASTM C403; BS EN 12390

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	Thí nghiệm hệ số thấm và chiều sâu thấm của bê tông	TCVN 8219:2009; ASTM C1585 ; BS EN 12390
	Thí nghiệm độ co của bê tông	TCVN 3117:2022; ASTM C157; AASHTO T160; JIS A1129
	Thí nghiệm cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42, C873; AASHTO T140, T22, T24; JIS A1108, A1107; BS 1881; BS EN 12390
	Thí nghiệm cường độ kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022; ASTM C78, C293; AASHTO T97, T177; JIS A1106, A1114; BS 1881; BS EN 12390
	Thí nghiệm cường độ kéo khi bửa của bê tông	TCVN 3120:2022; ASTM C496; AASHTO T198; JIS A1113; BS EN 12390
	Thí nghiệm cường độ kéo dọc trục của bê tông	CRD 164 :92
	Thí nghiệm xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338 :2012; ASTM C403; AASHTO T197
	Thí nghiệm độ pH của hỗn hợp bê tông	TCVN 9339:2012
	Thí nghiệm xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C1064; AASHTO T309; JIS A1156
	Thí nghiệm cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C469, C403; JIS A1127, A1149
	Thí nghiệm độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	ASTM C1611; JIS A1150
	Thí nghiệm cường độ kéo bề mặt, cường độ bám dính bằng keo trực tiếp	TCVN 9491:2012; ASTM C1583
	Xác định thành phần cấp phối bê tông - Quyết định 778/1998/QĐ-BXD	TCVN 9382:2012, TCVN 10306:2014, TCVN 10796:2015, TCVN 12631:2020; ACI211.1
3	**CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
	Lấy mẫu; Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng mica; Xác định hàm lượng clorua (Cl^-); Xác định hàm lượng sunfat, sunfit; Xác định hàm lượng hạt đập bị vỡ; Xác định hàm lượng muối Natri clorua (NaCl) trong cốt liệu	TCVN 7572:2006; ASTM C29, C33, C40, C70, C127, C128, C131, C136, C142, C170, C227, D546, C566, C1152, C1218; AASHTO T11, T19, T21, T27, T30, T37, T84, T85, T96, T112, T255, T327, T335 ; BS 812 ; BS EN 1097 ; BS EN 933
	Thí nghiệm hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176
	Thí nghiệm cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
	Thí nghiệm hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	ASTM C123; AASHTO T113; JIS A1141
	Thí nghiệm hàm lượng nhỏ hơn sàng 0,075mm	ASTM C117; AASHTO T11; JIS A1103
	Thí nghiệm độ ăn mòn hóa học	ASTM C88; AASHTO T104; JIS A1122
	Thí nghiệm độ góc cạnh của cốt liệu	TCVN 8860-7:2011; TCVN 11807:2017; ASTM D1183, D5821; AASHTO T304, T326
	Thí nghiệm trị số mài bóng PSV	ASTM D3319
4	**PHỤ GIA HÓA HỌC, PHỤ GIA HOẠT TÍNH CHO BÊ TÔNG**	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	Thí nghiệm hàm lượng chất khô; hàm lượng tro; khối lượng riêng; hàm lượng ion Clo; khả năng giảm nước; độ pH; xác định các tính chất của bê tông và hỗn hợp bê tông	TCVN 8826:2011; TCVN 9393:2011; TCVN 11586:2016; TCVN 12301:2018; TCVN 12588:2018; ASTM C494, C1017, D1475, E70; AASHTO M194; JIS A6204
	Thí nghiệm cơ lý phụ gia hoạt tính tro bay	TCVN 10302:2014; TCVN 8262:2009
	Thí nghiệm cơ lý phụ gia khoáng cho xi măng	TCVN 6882:2001
	Thí nghiệm cơ lý phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn	TCVN 8825:2011
	Thí nghiệm cơ lý phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa – Silicafume và tro trấu nghiền mịn	TCVN 8827:2011
5	**ĐẤT XÂY DỰNG VÀ ĐÁ DĂM**	
	Thí nghiệm khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012, TCVN 8735:2012; ASTM D5550, D854; AASHTO T100; JIS A1202; BS 1377
	Thí nghiệm độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012, TCVN 8728:2012; ASTM D4959, D4643, D2216; AASHTO T239, T265; JIS A1203; BS 1377
	Thí nghiệm giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318 ; AASHTO T89, T90; JIS A1205; BS 1377
	Thí nghiệm thành phần hạt	TCVN 4198:2014; ASTM D422, D1140, C136; AASHTO T88, T27; JIS A1204; BS 1377
	Thí nghiệm sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080; AASHTO T236; BS 1377
	Thí nghiệm tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; AASHTO T216; JIS A1217; BS 1377
	Thí nghiệm độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:2006; ASTM D1557, D698; AASHTO T99, T180; JIS A1210; BS 1377
	Thí nghiệm khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012, TCVN 8729:2012; ASTM D2937, D7263; BS 1377
	Thí nghiệm chỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; 22TCN 332:2006; ASTM D1883; AASHTO T193; JIS A1211
	Thí nghiệm các chỉ tiêu UU; CU; CD; CV trên máy nén 3 trục	TCVN 8868:2011; ASTM D2850, D4767, D7181; AASHTO T296, T234 ; BS 1377
	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9403:2012, TCVN 9438:2012; ASTM D2166; AASHTO T116, T208; JIS A1216 ; BS 1377
	Thí nghiệm tính tan rã	TCVN 8718:2012; ASTM D4647
	Thí nghiệm đặc trưng trương nở	TCVN 8719:2012; ASTM D4546
	Thí nghiệm đặc trưng co ngót	TCVN 8720:2012; ASTM D955, D427, D6289; AASHTO T92
	Thí nghiệm khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012; ASTM D4253
	Thí nghiệm đặc trưng lún ướt	TCVN 8722:2012; ASTM D4546
	Thí nghiệm hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; ASTM D2434; AASHTO T215; JIS A1218
	Thí nghiệm góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
	Thí nghiệm cắt cánh trong phòng	TCVN 8725:2012; ASTM D2579, D4648
	Thí nghiệm hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; TCVN 7131:2002; ASTM D2974; AASHTO T267

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	Thí nghiệm tổng lượng muối hòa tan, hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan	TCVN 9436:2012; TCVN 8727:2012
	Thí nghiệm mô đun đàn hồi vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013
	Thí nghiệm cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
6	**GẠCH BÊ TÔNG**	
	kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; độ rỗng; cường độ chịu nén; độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140
7	**GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN**	
	Thí nghiệm kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999; ASTM C140
8	**GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN**	
	Thí nghiệm kiểm tra kích thước khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn lớp mặt; độ hút nước; độ chịu lực va đập xung kích; tải trọng uốn gẫy; độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
9	**GẠCH LÁT GRANITO**	
	kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn lớp mặt; độ chịu lực xung kích; độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
10	**GẠCH GỐM ỐP LÁT**	
	Thí nghiệm kiểm tra kích thước và chất lượng bề mặt; độ hút nước; độ bền uốn và lực uốn gẫy; độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men; hệ số giãn nở nhiệt dài; hệ số giãn nở ẩm; độ bền rạn men đối với gạch men; độ bền hóa học; độ bền chống bám bẩn; sự khác biệt về màu; hệ số ma sát; độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415:2016; ASTM C484, C654; BS EN 10545
11	**GẠCH XÂY**	
	Thí nghiệm kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại qua; Thí nghiệm cường độ nén; Thí nghiệm cường độ uốn; Thí nghiệm độ hút nước; Thí nghiệm khối lượng thể tích; Thí nghiệm độ rỗng; Thí nghiệm vết tróc do vôi	TCVN 6355:2009; ASTM C67; AASHTO T32
12	**BÊ TÔNG NHẸ**	
	Thí nghiệm kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Thí nghiệm độ ẩm và khối lượng thể tích khô; Thí nghiệm cường độ nén; Thí nghiệm độ hút nước; Thí nghiệm hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2017
13	**GẠCH TERAZZO**	
	Thí nghiệm kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Thí nghiệm độ hút nước; Thí nghiệm độ mài mòn; Thí nghiệm cường độ uốn	TCVN 7744:2013
14	**ĐÁ ỐP LÁT**	
	Thí nghiệm kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Thí nghiệm độ hút nước; Thí nghiệm độ mài mòn; Thí nghiệm cường độ uốn	TCVN 4732:2016; TCVN 6415:2016
15	**VẬT LIỆU KIM LOẠI TRONG XÂY DỰNG**	
	Đặc trưng hình học	TCVN 1651:2018, TCVN 7937:2013; ASTM A615; JIS G3112; ISO 15630;
	Thí nghiệm kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014, TCVN 7937:2013, TCVN 6288:1997; ASTM A370, A615, E8; AASHTO T68, T244; JIS G3112, Z2241; AS 1302; ISO 6892, ISO 15630 ; BS 4449; BS EN 10002

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	Thí nghiệm uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:2008, TCVN 7937:2013, TCVN 6288:1997; ASTM A370, A615, A90, E885; AASHTO T68; BS 4449; JIS G3112, Z2248; AS 1302; ISO 6892, ISO 15630; BS 4449
	Thí nghiệm uốn và uốn lại không hoàn toàn của thép	TCVN 6287:1997, TCVN 7937:2013; ISO 10065, ISO 15630; BS 4449
	Thí nghiệm uốn mối hàn vật liệu kim loại	TCVN 5401:2010; ASTM A184, E190; AASHTO T68; JIS Z3122
	Thí nghiệm nén dẹt mối hàn vật liệu kim loại	TCVN 5402:2010; ASTM A333; AASHTO T68; JIS G3452
	Thí nghiệm kéo mối hàn vật liệu kim loại	TCVN 5403:2010; ASTM E190; AASHTO T68; JIS Z3121
	Thí nghiệm kéo ngang mối hàn vật liệu kim loại	TCVN 8310:2010
	Thí nghiệm kéo dọc mối hàn vật liệu kim loại	TCVN 8311:2010
	Thí nghiệm kiểm tra chất lượng mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000; TCVN 165:1988; TCVN 1548:1987; ASTM E164; BS 3923; ASME BPV Code Section I-XII; AWS D1.1, D1.6
	Thí nghiệm kiểm tra chất lượng mối hàn bằng phương pháp bột từ	TCVN 4396:2018; ASTM E709; ASME BPV Code Section I-XII
	Thí nghiệm cơ lý cáp dự ứng lực, bu lông – đai ốc	TCVN 197-1:2014, TCVN 7937:2013, TCVN 1916:1995; ASTM A370, F606, D429, E8; JIS Z2241, B1051, B1186; ISO 898-1
	Thí nghiệm cắt vật liệu bu lông	ASTM A370, F606
	Thí nghiệm mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009
	Thí nghiệm neo thép, neo bu lông	ASTM E1512
	Thí nghiệm cơ lý tôn	JIS G3302, H0401, Z2241
	Thí nghiệm cơ lý nhôm và hợp kim nhôm	TCVN 12513:2018; ASTM E108; ISO 6362
	Thí nghiệm cơ lý thép không gỉ	TCVN 10356:2014; ASTM E108; ISO 15510
16	**VỮA XÂY DỰNG VÀ VỮA DÙNG CHO GẠCH NHẸ**	
	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử; Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn; Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước; Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:2003, TCVN 9028 :2011, TCVN 9080:2012; ASTM C109, C230, C807, C939, C953, C1102, C1152, C1218, C1398, C1403, C1437, C1583; BS EN 1015, BS EN 445
	Thí nghiệm vữa không co ngót	TCVN 9204:2012; ASTM C939,C940,C1090
	Xác định thành phần cấp phối vữa	TCVN 10796:2015, TCVN 4459:1987
17	**VẢI ĐỊA KỸ THUẬT VÀ BẤC THẤM**	
	Thí nghiệm cường độ kéo giật và độ dãn dài khi kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632, D4595, D5034
	Thí nghiệm lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533, D4595; JIS L1096
	Thí nghiệm lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241, D4833, BS 6906
	Thí nghiệm lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833
	Thí nghiệm áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786
	Thí nghiệm kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751
	Thí nghiệm khả năng thoát nước	TCVN 8483:2010; ASTM D4716

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	Thí nghiệm kháng thủng bằng PP rơi côn	TCVN 8484:2010; ASTM 5494; BS 6906
	Thí nghiệm cường độ kéo đứt và độ dãn dài khi kéo đứt	TCVN 8485:2010; ASTM D4595
	Thí nghiệm kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010; ASTM D4751
	Thí nghiệm độ thấm xuyên	TCVN 8487:2010; 14TCN 97:1996; ASTM D4491, D4716
	Thí nghiệm chiều dày danh định	TCVN 8220:2013; 14TCN 92:1996; ASTM D5199
	Thí nghiệm khối lượng đơn vị, khối lượng riêng	TCVN 8221:2013; 14TCN 93:1996; ASTM D5261, D5321, D3776, D1505
18	**BENTONITE VÀ BENTONITE POLYME**	
	Thí nghiệm khối lượng riêng; độ ổn định; độ nhớt phễu Marsh; độ pH; lực cắt tĩnh; hàm lượng cát; độ dày áo sét; lượng tách nước; tỷ lệ keo (độ trương nở); độ ẩm; Thí nghiệm độ bền gel và tỷ số YP/PV của dung dịch Bentonite Polyme	TCVN 11893:2017, TCVN 13068:2020, TCVN 9395:2012; API-RP-13A,B; ASTM D4380, D4381, D4972, D5891, D6910, D2216, D1293
19	**NƯỚC CHO XÂY DỰNG**	
	Thí nghiệm váng dầu mỡ	TCVN 4506:2012
	Thí nghiệm màu và mùi	TCVN 4558:1988
	Thí nghiệm hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988; AASHTO T26
	Thí nghiệm hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988; AASHTO T26
	Thí nghiệm độ pH	TCVN 6492:2011
	Thí nghiệm hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:1996; ASTM D512
	Thí nghiệm hàm lượng ion sunfat	TCVN 6200:1996; ASTM D516
	Thí nghiệm hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:2016
20	**NHỰA BITUM, NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG**	
	Thí nghiệm độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005; ASTM D5; AASHTO T49; BS EN 1426
	Thí nghiệm độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D113; AASHTO T51
	Thí nghiệm điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36; AASHTO T53; BS EN 1427
	Thí nghiệm điểm chớp cháy và điểm cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005, TCVN 8818-2 :2011; ASTM D92; AASHTO T48; BS 2000
	Thí nghiệm tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005, TCVN 11710:2017, TCVN 11711:2017; ASTM D6, D1754, D2872; AASHTO T47, T179, T240
	Thí nghiệm độ hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005; ASTM D2042; AASHTO T44; BS 2000
	Thí nghiệm độ hòa tan trong N-Propyl Bromide	ASTM D7553
	Thí nghiệm khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005 ; ASTM D70; AASHTO T228
	Thí nghiệm độ nhớt động lực ở 60°C	TCVN 7502:2005, TCVN 8818-5:2011; ASTM D2170, D2171; AASHTO T59 ; BS EN 12596
	Thí nghiệm hàm lượng paraphin	TCVN 7503:2005; DIN 52015; BS 12606
	Thí nghiệm độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625, D2489; AASHTO T182, T195
	Thí nghiệm xác định tỷ lệ độ kim lún còn lại so với độ kim lún ban đầu ở 25°C	TCVN 7495:2005; ASTM D5; AASHTO T49; BS EN 1426
	Thí nghiệm độ dai, độ bền của nhựa đường	ASTM D5801

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	Thí nghiệm độ đàn hồi ở 25°C của nhựa đường polime	TCVN 11194:2017; 22TCN 319:2004; ASTM D6084
	Thí nghiệm độ ổn định lưu trữ của nhựa đường polime	TCVN 11195:2017; 22TCN 319:2004; ASTM D5892
	Thí nghiệm độ nhớt ở 135°C (nhớt kế Brookfield) của nhựa đường polime	TCVN 11196:2017; 22TCN 319:2004; ASTM D4402
21	**NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXIT, NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG POLIME GỐC AXIT**	
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol, độ lắng và ổn định lưu trữ, lượng hạt quá cỡ, xác định điện tích hạt, độ khử nhũ, thử nghiệm trộn với xi măng, xác định độ dính bám và tính chịu nước, thử nghiệm chưng cất, thử nghiệm bay hơi, nhận biết nhũ tương nhựa đường axit, khả năng trộn lẫn với nước, xác định khối lượng thể tích, độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường.	TCVN 8817:2011, TCVN 8818: 2011; AASHTO T59; ASTM D244, D4402, D5892, D6930, D6933, D6935, D6936, D6937, D6999
	Thí nghiệm độ đàn hồi ở 25°C; Thí nghiệm hàm lượng polime	TCVN 8816:2011; AASHTO T301; AASHTO T302
22	**BÊ TÔNG NHỰA**	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; Xác định độ chảy nhựa; Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định hệ số độ chặt lu lèn; Xác định độ rỗng dư; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860:2011; TCVN 11807:2017; TCVN 13048:2020; AASHTO T19, T27, T51, T230, T238, T269, T304, T305, T164, T166, T172, T209 T245; ASTM C136, D1559, D2041, D2172, D2726, D3203, D5821, D6390, D6927 ; BS EN 12697
	Thí nghiệm độ sâu vệt hằn bánh xe - Quyết định 1617/QĐ/BGTVT	AASHTO T324; T0719;
	Xác định thành phần bê tông nhựa	TCVN 8820:2011; TCVN 13567-1,2,3:2022; TCVN 13048:2020; TCVN 12818:2019; AASHTO T312
	Thí nghiệm hệ số thấm	TCVN 11634:2017; ASTM PS129
	Thí nghiệm khả năng kháng ẩm TSR	TCVN 12914:2020; AASHTO T283
	Thí nghiệm độ hao mòn Cantabro	TCVN 11415:2016; ASTM D7064
	Thí nghiệm độ rỗng liên thông	TCVN 13048:2020
	Thí nghiệm kéo gián tiếp bằng phương pháp ép chẻ	TCVN 8862:2011; ASTM D6931
	Thí nghiệm kéo bằng phương pháp uốn mẫu dầm	22TCN 211:2006; AASHTO T313
	Thí nghiệm độ bão hòa nước; Hệ số trương nở sau khi bão hòa nước; Cường độ chịu nén; Hệ số ổn định nước và ổn định nhiệt; Độ bền chịu nước sau khi bão hòa nước lâu	22TCN 62:1984; ASTM D1074; AASHTO T167
23	**BỘT KHOÁNG**	
	Xác định khối lượng riêng; Xác định thành phần hạt; Xác định độ ẩm; Xác định chỉ số dẻo; Xác định chỉ số háo nước; Kiểm tra hình dáng bên ngoài; Thí nghiệm lượng mất khi nung; Thí nghiệm khối lượng thể tích và độ rỗng; Thí nghiệm hàm lượng chất hòa tan trong nước; Thí nghiệm khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Thí nghiệm khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Thí nghiệm độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa	22TCN 58:1984; AASHTO T113, T27, T100, T255, T37; ASTM D5329, D456; TCVN 8735 :2012, TCVN 12884:2020

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	đường; Thí nghiệm chỉ số về hàm lượng nhựa của bột khoáng	
24	**THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
	Thí nghiệm độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8730:2012, TCVN 8729:2012; 22TCN 346:2006; ASTM D1556; AASHTO T191
	Thí nghiệm độ chặt hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020, TCVN 8730:2012, TCVN 8729:2012; 22TCN 02:1971; ASTM D2937; AASHTO T204
	Thí nghiệm độ chặt hiện trường bằng phương pháp phóng xạ	TCVN 9350:2012; ASTM D2937; AASHTO T310
	Thí nghiệm chỉ số CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429 ; AASHTO T193 ; BS 1377
	Thí nghiệm môđun đàn hồi nền và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	22TCN 211:2006; TCVN 8861:2011; ASTM D1195; AASHTO T221
	Thí nghiệm độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; 22TCN 16:1979; ASTM E950, E1082
	Thí nghiệm độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; 22TCN 278:2001; ASTM E965; AASHTO T28
	Thí nghiệm môđun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	22TCN 211:2006; TCVN 8867:2011; ASTM D4695; AASHTO T256
	Thí nghiệm thấm trong hố khoan (hệ số thấm hiện trường)	TCVN 8731:2012 , TCVN 9148:2012; ASTM D3385; BS 1377
	Thí nghiệm không phá hủy xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012, TCVN 10303:2014; ASTM C805, D5873; DIN 1048; BS 1881
	Thí nghiệm không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012, TCVN 10303:2014; ASTM C805, C597; DIN 1048; JIS A1155; BS EN 12504
	Thí nghiệm độ bền của kết cấu BTCT chịu uốn bằng phương pháp chất tải tĩnh tại hiện trường	TCVN 9344:2012; ASTM E455
	Thí nghiệm độ bám dính nền bằng phương pháp kéo đứt	TCVN 9349:2012; ASTM D4541
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586, D5778; AASHTO T206; BS 1377
	Thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012; ASTM D3441, D1586, D5778; AASHTO T206; BS 1377
	Thí nghiệm modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395; BS 1377
	Thí nghiệm kiểm tra chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông bằng phương pháp điện từ	TCVN 9356:2012; BS 1881
	Thí nghiệm kiểm tra chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012; ASTM C597; BS 1881; BS EN 12504
	Xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:2009
	Đo độ lún công trình bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012, TCVN 9364:2012; ASTM D6598
	Đo chuyển dịch ngang công trình	TCVN 9399:2012, TCVN 9364:2012; ASTM D6230
	Đo độ nghiêng công trình	TCVN 9400:2012, TCVN 9364:2012
	Thí nghiệm đo điện trở đất	TCVN 9385:2012; ASTM D6431; BS 6651
	Thí nghiệm cọc hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143, D3689; BS 8004
	Thí nghiệm nhổ cọc, nén ngang cọc	TCVN 9393:2012; ASTM D3689, D3966

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	bê tông – mùn đầu cọc	TCVN 9395:2012; 22TCN 257:2000; ASTM D6067, D2113
	Đo độ thẳng thành vách cọc khoan nhồi (Koden)	TCVN 9395:2012; 22TCN 257:2000; ASTM D5882
	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760
	Thí nghiệm cọc kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012; ASTM D5882
	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình	TCVN 9398:2012, TCVN 9401:2012; ASTM D6432, D6230; AASHTO T254
	Thí nghiệm cường độ kéo nhổ của bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900, D4435
	Thí nghiệm cường độ kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp	TCVN 9491:2012; ASTM C1583
	Thí nghiệm đo chiều dày lớp phủ mạ, màng sơn	TCVN 9406:2012, TCVN 5408:2007
	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016;ASTM D4945; AASHTO T298
	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951, D7380; DIN 4094; BS 1377
	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22TCN 355:2006; ASTM D2573; BS1377
	~~Thí nghiệm xuyên cắt thuận - Report 4:1995 SGF~~	
	Thí nghiệm địa chấn trong hố khoan	ASTM D7400, D7128, D5777, D4428
	Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan	ASTM D4719; BS 5930
	Thí nghiệm Cường độ bê tông	TCXDVN 239:2006; TCVN 10303:2014, TCVN 12252:2020
	Thí nghiệm xác định số phân cấp mặt đường (PCN)	TCVN 11365:2016; ASTM D4694
	Thí nghiệm xác định chỉ số tình trạng mặt đường (PCI)	ASTM D5340
	Thí nghiệm đo hệ số ma sát mặt đường	ASTM E2340;
	Thí nghiệm sức kháng trượt của mặt đường bằng phương pháp con lắc anh	TCVN 10271:2014; ASTM D403; AASHTO T278
	Thí nghiệm cơ lý sản phẩm bó vỉa bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015
	Thí nghiệm cơ lý gối bê tông đúc sẵn	TCVN 10799:2015
	Thí nghiệm cơ lý cốt liệu lớn tái chế cho bê tông	TCVN 11969:2018
	Thí nghiệm cơ lý vữa chèn cáp dự ứng lực	TCVN 11971:2018
	Thí nghiệm cơ lý tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn	TCVN 11524:2016
	Thí nghiệm cơ lý cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014
	Thí nghiệm cơ lý ống cống bê tông cốt thép	TCVN 9113:2012
	Thí nghiệm cơ lý cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 220 /CNĐKTN-BXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Bộ Xây dựng chứng nhận:

1. Tên tổ chức đã đăng ký:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – CONINCO.

Địa chỉ: số 4 phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024.38523706; Fax: 024.35741708. E-mail: conincohn@coninco.com.vn, Web: www.coninco.vn.

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với ngành xây dựng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại Phụ lục kèm theo.

2. Số đăng ký: **01/TN/BXD**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký thay thế Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 01/CNĐKTN-BXD ngày 18/8/2017./.

Nơi nhận:
- Tên tổ chức tại điều 1.
- Bộ KH&CN (để b/c);
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

PHỤ LỤC
LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 220 /CNĐKTN-BXD, ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Lĩnh vực thử nghiệm Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
1	**Nhôm và hộ kim nhôm**	
	Xác định cơ tính	TCVN 197-1; ISO 6892-1 ASTM B 557 M; TCVN 12513-2:2018; ISO 6362-2:2014 JIS H 4100; JIS Z 2248 JIS Z 2244; JIS H 4000
	Xác định dung sai hình dạng và kích thước	TCVN 12513-3÷6:2018 ISO 6362-3÷6:2014.
	Xác định thành phần hóa học	TCVN 12513-7:2018 ISO 6362-7:2014 JIS H 4100; JIS H 4000
	Xác định độ dẫn điện	JIS H 0505
2	**Nhựa**	
	Xác định độ bền va đập bằng phương pháp tải trọng rơi	BS EN 12608; EN 477
	Xác định độ ổn định kích thước sau khi lão hóa nhiệt	BS EN 12608; EN 479
	Xác định sự thay đổi ngoại quan sau khi lão hóa nhiệt ở 150 độ C	BS EN 12608; EN 478
	Xác định độ bền thời tiết	BS EN 12608; EN 513
	Xác định độ bền góc hàn	BS EN 12608; EN 514
	Xác định độ bền màu	BS EN 12608; ISO 105
	Xác định độ bền uốn	BS EN 12608; ISO 178
	Xác định độ bền va đập Charpi	BS EN 12608; ISO 179
	Xác định nhiệt độ biến mềm Vicat	ISO 306 TCVN 6147; ISO 2507
	Xác định độ bền va đập kéo	TCVN 11995:2017; ISO 8256
	Xác định kích thước, ngoại quan	BS EN 12608 TCVN 6145; ISO 3126 TCVN 9562
	Độ bền áp suất thủy tĩnh/ áp suất bên trong	TCVN 6149; ISO 1167
	Độ giãn dài khi đứt	TCVN 7434; ISO 6529
	Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6418; ISO 2505
	Tốc độ dòng chảy MFR/MVR	ISO 1133
	Thời gian cảm ứng oxy hóa	ISO 11357-6
	Độ bền kết dính nội	ISO 13954; ISO 13955
	Độ bền kéo/ Độ bền kéo riêng ban đầu theo chiều dọc	ISO 13953; ISO 13951 TCVN 9562 TCVN 10769 (ISO 7685)
	Độ bền va đập	ISO 13957; EN 744
	Độ bền với diclometan	TCVN 7306; ISO 9852
	Thử kéo một trục	TCVN 7434; ISO 6259
	Độ bền va đập	EN 744

	Đo nhiệt lượng vi sai (DSC)	ISO 18373
	Ảnh hưởng của gia nhiệt	TCVN 6242; ISO 580
	Độ cứng vòng	TCVN 9562; TCVN 10769 (ISO 7685)
	Độ bền phá hủy trong điều kiện nén ép	TCVN 9562;
	Độ kín thủy tĩnh	TCVN 9562
	Hàm lượng của các chất ảnh hưởng khi tiếp xúc với nước sinh hoạt	TCVN 6253/ISO 8795 TCVN 6626; ISO 11969 SMEWW 3120.B TCVN 6658; ISO 11083 SMEWW 3500-Cr.B TCVN 7877; ISO 5666 TCVN 7724; ISO 17852 EPA 7470.A; SMEWW 3112.B
3	**Gang**	
	Xác định kích thước	ISO 2531; TCVN 10177
	Cơ tính	TCVN 10177; TCVN 256; ISO 6506; ISO 2531
	Xác định độ kín	ISO 2531; TCVN 10177
	Hàm lượng của các chất ảnh hưởng khi tiếp xúc với nước sinh hoạt	TCVN 6253/ISO 8795 TCVN 6626; ISO 11969 SMEWW 3120.B TCVN 6658; ISO 11083 SMEWW 3500-Cr.B TCVN 7877; ISO 5666 TCVN 7724; ISO 17852 EPA 7470.A; SMEWW 3112.B BS EN 15664
4	**Ống và phụ tùng dùng để bảo vệ và lắp đặt dây điện trong nhà. Hệ thống thang cáp và máng cáp sử dụng trong lắp đặt điện tại công trình**	
	Nguy hiểm cháy. Khả năng chống cháy lan	TCVN 9900; IEC 60695 TCVN 10688:2015 IEC 61537:2006
	Xác định kích thước	TCVN 10688:2015 IEC 61537:2006
	Xác định các đặc tính cơ lý	TCVN 10688:2015 IEC 61537:2006
	Xác định các đặc tính nhiệt	TCVN 10688:2015 IEC 61537:2006
	Xác định các đặc tính điện	TCVN 10688:2015 IEC 61537:2006
5	**Gỗ**	
	Đặc trưng hình học/ kích thước	TCVN 11945; ISO 24337 TCVN 7756; TCVN 11904
	Vết lõm dư	TCVN 11944; ISO 24343
	Độ bền phơi sáng	ISO 4892
	Độ bền mài mòn	TCVN 11947; ISO 10874
	Độ bền bánh xe chân ghế	TCVN 11948; ISO 4918
	Độ bền va đập	TCVN 11949; ISO 24335
	Độ trương nở chiều dày	TCVN 11950; ISO 24336 TCVN 7756; TCVN 12445; ISO 16983
	Độ bền bề mặt	TCVN 7756; TCVN 11906; ISO 16981
	Độ thay đổi kích thước	TCVN 11951
	Độ bền mối ghép nối cơ học	TCVN 11952; ISO 24334
	Xác định độ ẩm	TCVN 7756; TCVN 11905; ISO 16979
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 7756
	Xác định mô đun đàn hồi uốn và độ bền uốn	TCVN 7756; TCVN 12446; ISO 16978
	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván/Độ bền liên kết	TCVN 7756; TCVN 12447
	Xác định độ bền ẩm	TCVN 7756; TCVN 12444; ISO 20585; TCVN 10313; ISO 16998; TCVN 10312; ISO 16987
	Xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán	TCVN 7756
	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 7756
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 5694; ISO 9427
	Hàm lượng formandehyt	TCVN 11899; EN 717-1
6	**Sơn**	
	Độ bền lớp sơn phủ/ Độ bám dính	TCVN 2097/AAMA 2603/AAMA 2604/AAMA 2605
	Độ rửa trôi	TCVN 8653
	Chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653
	Hàm lượng chất hữu cơ bay hơi	TCVN 10370 TCVN 9014 TCVN 10369
	Màu sắc	TCVN 2102/AAMA 2603/AAMA 2604/AAMA 2605
	Trạng thái sơn trong thùng chứa	TCVN 8653; TCVN 9014
	Đặc tính thi công	TCVN 8653; TCVN 9014
	Độ ổn định ở nhiệt độ thấp	TCVN 8653
	Ngoại quan màng sơn	TCVN 8653
	Thời gian khô	TCVN 2096
	Hàm lượng phần khô	TCVN 2093
	Độ mịn	TCVN 2091
	Độ phủ	TCVN 2095
	Độ bền nước	TCVN 8653
	Độ bền kiềm	TCVN 8653; TCVN 9014
	Độ thấm nước	TCVN 8652
	Bề ngoài màng sơn	TCVN 9014
	Thời gian sống	TCVN 9014
	Độ bóng	AAMA 2603/AAMA 2604/AAMA 2605/ TCVN 2101:2016; ISO 2813:2014 ISO 2813:2014
	Độ cứng màng sơn	ASTMD3363/AAMA 2603/AAMA 2604/AAMA 2605; TCVN 2098
	Độ bền uốn của màng	TCVN 2099

	Độ bền va đập	AAMA 2603/AAMA 2604/AAMA 2605; TCVN 2100/ISO 6272-2
	Độ bền hóa học	AAMA 2603/AAMA 2604/AAMA 2605; JIS K 5400; ISO 2812
	Độ bền ẩm	ASTMD2247/AAMA 2603/AAMA 2604/AAMA 2605
	Độ bền phun muối	ASTM B117/AAMA 2603/AAMA 2604/AAMA 2605; TCVN 9014; ISO 7253
	Khả năng chịu nước muối	TCVN 9014
	Khả năng chịu môi trường	TCVN 8789
	Độ bền mài mòn	AAMA 2603/AAMA 2604/AAMA 2605
	Độ nhớt	TCVN 2092; ASTM D 2196
7	**Thạch cao**	
	Cường độ chịu uốn	ASTM C473/TCVN 8257
	Biến dạng ẩm	ASTM C473/TCVN 8257
	Độ hút nước	ASTM C473/TCVN 8257
	Hàm lượng lưu huỳnh dễ bay hơi	ASTM C471
	Xác định kích thước, độ sâu gờ vuốt thon	TCVN 8257/ASTM C473
	Xác định độ cứng gờ, cạnh, lõi	TCVN 8257/ASTM C473
	Xác định độ kháng nhổ đinh	TCVN 8257/ASTM C473
	Xác định độ hấp phụ nước bề mặt	TCVN 8257/ASTM C473/
	Xác định độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257/ASTM C473
8	**Bê tông nhẹ, bọt, khí chưng áp**	
	Xác định kích thước	TCVN 12868; TCVN 7959; TCVN 6415; TCVN 7744
	Ngoại quan và khuyết tật	TCVN 12868
	Khối lượng thể tích	TCVN 12868; TCVN 7959
	Cường độ chịu nén	TCVN 12868; TCVN 9030
	Xác định độ ẩm	TCVN 12868
	Xác định độ co khô	TCVN 12868; TCVN 7959
	Độ hút nước	TCVN 3113
	Độ dẫn nhiệt	TCVN 9030
	Xác định mức độ bảo vệ cốt thép chống ăn mòn	TCVN 12868
	Xác định khả năng chống uốn	TCVN 12868
	Xác định khả năng treo vật nặng	TCVN 12868
	Xác định khả năng chịu va đập	TCVN 12868
9	**Tấm tường nhẹ ba lớp xen kẹp, tấm tường bê tông đúc sẵn**	
	Xác định kích thước	TCVN 12302; TCVN 11524
	Xác định khuyết tật ngoại quan	TCVN 12302; TCVN 11524
	Khối lượng thể tích khô	TCVN 7959
	Cường độ nén	TCVN 3118/TCVN 9030:2017
	Độ bền va đập	TCVN 11524:2016
	Cường độ bám dính	TCVN 9349:2012
	Độ bền treo vật nặng	TCVN 12302; TCVN 11524
	Xác định độ dẫn nhiệt	TCVN 9030:2017
	Xác định độ cách âm	TCVN 7575-2:2007.
	Xác định giới hạn chịu lửa	TCVN 9311-8:2012
	Độ hút nước	TCVN 3113
	Độ rỗng	TCVN 6477

10	**Đá ốp lát**	
	Kích thước, các tính chất hình học và chất lượng bề mặt	TCVN 4732; BS EN 14617; EN 13373
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 4732; BS EN 1341
	Độ bóng bề mặt	TCVN 2101:2016; ISO 2813:2014
	Độ hút nước	TCVN 6415/ ASTM C97; EN 13755; BS EN 14617
	Khối lượng thể tích, độ rỗng hở	TCVN 6415/ ASTM C97; BS EN 14617; EN 1936
	Độ bền uốn	TCVN 6415/ ASTM C99/ ASTM C880; EN 12372; BS EN 14617; ASTM C880
	Độ bền mài mòn	TCVN 4732/ ASTM C241; BS EN 14617; EN 14157
	Độ bền đóng, rã băng	BS EN 14617; EN 12371; BS EN 1341
	Độ bền sốc nhiệt	BS EN 14617
	Độ bền các lỗ liên kết (dowel hole)	BS EN 14617
	Độ bền va đập	BS EN 14617
	Độ bền hóa học	BS EN 14617
	Hệ số giãn nở nhiệt dài	BS EN 14617
	Độ ổn định kích thước	BS EN 14617
	Độ bền nén	BS EN 14617/ ASTM C170
	Độ dẫn điện	BS EN 14617
	Độ bền chống trơn, trượt	EN 14231
11	**Kính xây dựng**	
	Dung sai kích thước, hình học	TCVN 7219; ASTM C1036; ASTM C 1503; EN 572; JIS R 3209; JIS R 3205; JIS R3206; JIS R 3222; AS/NZS 2208; TCVN 6758
	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219; ASTM C1036; ASTM C1503; JIS R 3209; JIS R 3205; JIS R3206; JIS R 3222; TCVN 6758
	Biến dạng quang học	TCVN 7219; ASTM C1036; EN 572.TCVN 6758
	Ứng suất bề mặt	TCVN 8261; JIS R 3222
	Kiểm tra phá vỡ	TCVN 7455; JIS R 3206; BS 6206; AS/NZS 2208; ANSI Z97.1TCVN 6758
	Độ bền va đập	TCVN 7368; TCVN 7455; JIS R 3205; JIS R3206; BS 6206; AS/NZS 2208; ANSI Z97.1 TCVN 6758
	Độ bền nhiệt độ cao	TCVN 7364; JIS R3205; AS/NZS 2208; ANSI Z97.1; TCVN 6758
	Độ bền chịu ẩm	TCVN 7364; TCVN 7625; JIS R3205; TCVN 6758
	Độ bền bức xạ	TCVN 7364; JIS R3205
	Xác định các chỉ số quang học: Truyền/ phản xạ ánh sáng; truyền/phản xạ năng lượng bức xạ mặt trời trực	TCVN 7737; ISO 9050; EN 410; NRFC 300; ASTM E903; JIS R

	tiếp; tổng năng lượng bức xạ mặt trời truyền qua (g, SHGC); độ xuyên bức xạ tử ngoại; hệ số ngăn chặn nhiệt mặt trời; hệ số bức xạ	3209; JIS R 3106
	Hệ số truyền/ cách nhiệt	TCVN 8260; TCVN 9502; ASTM C518; JIS R 3107; NFRC 100
	Điểm sương	TCVN 8260; JIS R 3209
	Độ bền hóa học, độ bền nước	TCVN 7528; TCVN 9808; TCVN 1046
	Độ bền, độ đồng đều lớp phủ	TCVN 9808
	Độ bền phun muối	BS EN 1036, EN ISO 9277
	Độ bám dính lớp phủ	TCVN 2097; ISO 2409
	Chất lượng quang học	BS EN 1036
	Lớp phản xạ	TCVN 7625
	Độ bền mài mòn	TCVN 7528; TCVN 6758
	Nồng độ khí	JIS R 3209; JIS R 3224
	Độ bền lớp keo dán kín, lớp phim quang học	JIS R 3209; JIS R 3224
	Phản ứng cháy	EN 15998; EN ISO 1182; EN ISO 1716; EN 13823; EN ISO 11925-2; EN ISO 9239-1
12	**Gạch ốp lát**	
	Độ hút nước	TCVN 6415
	Độ bền uốn	TCVN 6415
	Độ chịu mài mòn	TCVN 6415
	Hệ số chống trơn trượt	TCVN 6415; DIN 51130; DIN 51097; AS/NZS 4586
	Hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415
	Hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415
	Độ bền hóa học	TCVN 6415
	Độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415
	Độ cứng bề mặt	TCVN 6415
13	**Gạch xây**	
	Kích thước và khuyết tật	TCVN 6355; TCVN 6477
	Cường độ nén	TCVN 6355; TCVN 6477
	Cường độ uốn	TCVN 6355
	Độ hút nước	TCVN 6355; TCVN 6477
	Khối lượng thể tích	TCVN 6355
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355; TCVN 6477
	Vết tróc vôi	TCVN 6355
	Độ thấm nước	TCVN 6477
14	**Silicon xảm khe**	
	Xác định độ chảy	TCVN 8267
	Xác định khả năng đùn chảy	TCVN 8267
	Xác định độ cứng	TCVN 8267
	Xác định ảnh hưởng lão hóa nhiệt	TCVN 8267
	Xác định thời gian không dính bề mặt	TCVN 8267
	Xác định cường độ bám dính	TCVN 8267
15	**Vật liệu xảm khe**	
	Độ côn lún	TCVN 9974
	Điểm hóa mềm	TCVN 9974
	Độ bám dính	TCVN 9974
	Độ lún đàn hồi	TCVN 9974
	Tính tương thích với nhựa	TCVN 9974
16	**Vữa, keo chít mạch và dán gạch**	
	Cường độ bám dính khi kéo	TCVN 7899-2
	Cường độ bám dính khi cắt	TCVN 7899-2
	Thời gian mở: cường độ bám dính khi kéo	TCVN 7899-2
	Độ trượt	TCVN 7899-2
17	**Bu lông, vít cấy, đinh tán**	
	Xác định các tính chất cơ lý hóa	ISO 898-1÷7 ASTM A 751
18	**Cửa sổ, cửa đi, mặt dựng**	
	Xác định kích thước	TCVN 7451.
	Xác định độ bền lọt nước	TCVN 7452-2; EN 1027 AAMA 501.1; AAMA 501.2; EN 12208; ASTM E 331
	Xác định độ kín khí	TCVN 7452-1; EN 1206; EN 12207; ASTM E283
	Xác định độ bền áp lực gió	TCVN 7452-3; EN 12210; EN 12211; ASTM E 330
	Xác định lực đóng mở cửa	TCVN 7452-5; ISO 8274
	Thử nghiệm đóng và mở lặp	TCVN 7452:6; ISO 9379
	Xác định độ bền góc hàn	TCVN 7452-4
19	**Xi măng sợi**	
	Cường độ chịu uốn	TCVN 8259
	Độ chống thấm nước	TCVN 8259
	Độ bền mưa nắng	TCVN 8259
	Hàm lượng amiang	JIS A 1481; ISO 22262
	Kích thước, hình dạng	TCVN 8259
	Độ co giãn ẩm	TCVN 8259
	Độ bền nước nóng	TCVN 8259
	Độ bền băng giá	TCVN 8259
	Độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8259
20	**Hệ khung treo kim loại cho tấm trần**	
	Kích thước và hình dạng	TCVN 12694; ASTM C635/C635M-17
	Lớp phủ bảo vệ	
	Thử nghiệm mù muối	ASTM B117
	Thử nghiệm độ ẩm cao	ASTM D1735
	Tính năng hệ khung treo	TCVN 12694; ASTM C635/C635M-17

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 221 /CNĐKCN-BXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Bộ Xây dựng chứng nhận:

1. Tên tổ chức đăng ký:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – CONINCO.

Địa chỉ: số 4 phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243 8523706, Fax: 0243.5741708.

E-mail: conincohn@coninco.com.vn, Web: www.coninco.com.vn

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành xây dựng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp tiêu chuẩn tại Phụ lục kèm theo.

2. Số đăng ký: **04/CN/BXD**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký thay thế Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 04/CNĐKCN-BXD ngày 18/8/2017./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

Nơi nhận:
- Tên tổ chức tại mục 1;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

PHỤ LỤC
LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo Giấy chứng nhận số 221 /CNĐKCN-BXD, ngày 25 / 7/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn áp dụng
1	**Sản phẩm kính xây dựng**	
1.1	Kính kéo	TCVN 7736:2007
1.2	Kính nổi	TCVN 7218:2018
1.3	Kính cán văn hoa	TCVN 7527:2005
1.4	Kính màu hấp thụ nhiệt	TCVN 7529:2005
1.5	Kính phủ phản quang	TCVN 7528:2005
1.6	Kính gương	TCVN 7624:2007
1.7	Kính dán nhiều lớp và kính an toàn nhiều lớp	TCVN 7364:2018
1.8	Kính phẳng tôi nhiệt	TCVN 7455:2013
1.9	Kính cốt lưới thép	TCVN 7456:2004
1.10	Kính phủ bức xạ thấp	TCVN 9808:2013
1.11	Kính hộp gắn kín cách nhiệt	TCVN 8260:2009
1.12	Kính xây dựng	JIS R 3222, JIS R 3202, JIS R 3205, JIS R 3206, JIS R 3209. BS 6206, BS EN 572, BS EN 12150, BS EN 12600, BS EN 1863, BS EN ISO 12543, BS EN 1279, BS EN 1036. AS/NZS 2208 ASTM C 1036, ASTM C 1048, ANSI z 97.1, ASTM C 1172, ASTM E 773,ASTM E 774, ASTM E 2190; ASTM C 1503 GB 11614-2009, GB 15763.2-2005, GB 17841-2008, GB/T 18915.1-2002, GB/T 18915.2-2002, GB 9962-2009, GB/T 11944-2002, GB 15763.1-2009, GB 17840-1999, GA 165-1997
2	**Sản phẩm gạch đá ốp lát**	
2.1	Gạch gốm ốp lát ép bán khô	TCVN 7745:2007, ISO 13006; TCVN 13113
2.2	Gạch gốm ốp lát đùn dẻo	TVN 7483:2005, ISO 13006; TCVN 13113
2.3	Gạch gốm ốp lát – Gạch ngoại thất Mosaic	TCVN 8495:2010
2.4	Gạch tezzazzo	TCVN 7744:2013
2.5	Gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:2011
2.6	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ	TCVN 8057:2009, BS EN 16954
2.7	Đá ốp lát tự nhiên	TCVN 4732:2016, BS EN 1341
3	**Sản phẩm vật liệu xây dựng chứa sợi vô cơ, sợi hữu cơ tổng hợp, sản phẩm nhôm và hợp kim nhôm, inox**	

TT	Tên sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn áp dụng
3.1	Ván sàn gỗ nhân tạo, ván sàn nhiều lớp	EN 13329:2006; TCVN 11943
3.2	Ván sàn composite gỗ nhựa	TCVN 11352:2016, GB/T24137-2009
3.3	Gỗ ván dăm	TCVN 7754:2007; TCVN 12362
3.4	Gỗ ván sợi	TCVN 7753:2007
3.5	Gỗ ghép thanh	TCVN 8575
3.6	Tấm thạch cao, tấm thạch cao gia cường sợi thủy tinh	TCVN 8256:2009; ASTM C 1396; ASTM C1278
3.7	Khung xương trần	TCVN 12694; ASTM C635/C635M-17
3.8	Nhôm và hợp kim nhôm	TCVN 5839:1994; TCVN 5910:1995; JIH 4100; JIS H 4000; ISO 6362; TCVN 12513
3.9	Tấm xi măng sợi	TCVN 8258:2009
3.10	Thép không gỉ, inox	TCVN 10356:2014/ISO 15510:2010 TCVN 10358:2014/ISO 18286:2008 JIS G3459; JIS G4305; JIS G4304; JIS G4318
4	**Sản phẩm sơn, vật liệu chống thấm.**	
4.1	Sơn tường dạng nhũ tương	TCVN 8652:2012
4.2	Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng	TCVN 7239:2014
4.3	Sơn epoxy	TCVN 9014/ JIS K 5551
4.4	Sơn bảo vệ kết cấu thép	TCVN 8789
4.5	Silicon xảm khe, vật liệu xảm khe	TCVN 8266 : 2009; TCVN 9974
5	**Nhóm sản phẩm cửa sổ, cửa đi**	
5.1	Cửa sổ cửa đi bằng khung cứng U-PVC	TCVN 7451:2004
5.2	Cửa đi, cửa sổ - Cửa gỗ	TCVN 9366-1:2012
5.3	Cửa đi, cửa sổ - Cửa kim loại	TCVN 9366-2:2012
5.4	Profile U-PVC định hình	BS EN 12608
6	**Sản phẩm vật liệu xây**	
6.1	Gạch đặc đất sét nung	TCVN 1451:1998
6.2	Gạch rỗng đất sét nung	TCVN 1450:2009
6.3	Gạch bê tông	TCVN 6477:2016
6.4	Gạch bê rông khí chưng áp (AAC)	TCVN 7959:2017
6.5	Bê tông nhẹ - bê tông bọt và bê tông khí chưng áp	TCVN 9029:2017
6.6	Vữa, keo chit mạch, dán gạch	TCVN 7899-1:2008/ISO 13007-1 : 2004
6.7	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép	TCVN 11524:2016
6.8	Tấm tường 3 lớp xen kẹp	TCVN 12302
7.	**Nhóm sản phẩm cốt liệu cho bê tông và vữa.**	
7.1	Cốt liệu cho bê tông và vữa	TCVN 7570:2006
7.2	Cát nghiền.	TCVN 9205 : 2012
8.	**Nhóm sản phẩm ống và phụ tùng cấp, thoát nước**	
8.1	Ống và phụ tùng U-PCV	TCVN 8491-2:2011 TCVN 8491-3:2011
		ISO 4435:2003
8.2	Ống và phụ tùng PP	TCVN 10097-2:2013 TCVN 10097-3:2013 TCVN 12304:2018 TCVN 12305:2018
8.3	Ống và phụ tùng PE	TCVN 7305-2:2008 TCVN 7305-3:2008 TCVN 12304:2018
8.4	Hệ thống ống chất dẻo thoát nước và nước thải chôn ngầm không chịu áp	TCVN 11821-3:2017 *(ISO 21138-3:2007)* TCVN 9562:2017 *(ISO 10639:2017)*
8.5	Ống và phụ tùng PE-X	EN ISO 15875
8.6	Ống và phụ tùng PE-RT	EN ISO 22391
8.7	Ống và phụ tùng PVC-C	EN ISO 15877
8.8	Hệ thống ống bằng chất dẻo cấp nước chịu áp và không chịu áp - hệ thống ống nhựa nhiệt rắn gia cường thuỷ tinh (grp) trên cơ sở nhựa polyeste không no (up)	TCVN 9562:2017/ISO 10639:2017
8.9	Ống, phụ tùng nối ống, phụ kiện bằng gang dẻo và các mối nối dùng cho các công trình dẫn nước	TCVN 10177:2013 ISO 2531:2009
8.10	Ống và phụ tùng dùng để bảo vệ và lắp đặt dây điện trong nhà. Hệ thống thang cáp và máng cáp sử dụng trong lắp đặt điện tại công trình	TCVN 9900 TCVN 10688 IEC 61537

.....

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

96.2023/GCN-SVHTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ về việc quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hoá, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa, thể thao, gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Di sản,

CHỨNG NHẬN:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

- Địa chỉ: Số 4, Tôn Thất Tùng, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: 8443 8523706
- Quyết định thành lập số (hoặc Giấy ĐKKD số): 0100 106169

Đủ điều kiện hành nghề:

1. Lập quy hoạch tu bổ di tích.
2. Lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế-kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.
3. Giám sát thi công tu bổ di tích./.

(Tổ chức chỉ được tham gia hành nghề tu bổ di tích đối với dự án có quy mô, cấp công trình, phạm vi hoạt động xây dựng đúng với năng lực hoạt động xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng).

Giấy chứng nhận có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày: 18/8/2028

GIÁM ĐỐC

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

ĐỖ ĐÌNH HỒNG

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số:HAN-00000114

(Ban hành kèm theo Quyết định số:41/QĐ-SXD ngày 19/01/2022,111/QĐ-SXD ngày 15/3/2022 của Sở Xây dựng Hà Nội)

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: **0100106169**

Đăng ký lần đầu: **24/01/2007** Nơi cấp: **Sở kế hoạch & đầu tư TP. Hà Nội**

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông (Bà): **Nguyễn Văn Công** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Địa chỉ trụ sở chính: **số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Số điện thoại: **02438523706** Số fax:

Email: **conincohn@coninco.com.vn** Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Lĩnh vực hoạt động: (Lĩnh vực/Loại công trình/Hạng)

Thiết kế, thẩm tra TK/NN&PTNT/Hạng III
Có giá trị đến ngày: 19/01/2032
Lập quy hoạch XD/Hạng II
Giám sát XD/NN & PTNT/Hạng III
Có giá trị đến ngày: 15/3/2032

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2022

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Hoàng Cao Thắng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: 1016 /LĐTBXH-GP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2018

GIẤY PHÉP

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

- Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Xét đề nghị của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO và Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO

Tên giao dịch: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT (CONINCO)

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0100106169

Ngày cấp: 24/01/2007, thay đổi lần 6, ngày 24/02/2017

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24)38523706 Fax: (84-24)35741708

Email:coninconh@coninco.com.vn Website:www.coninco.vn

được hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Điều 2. Cho phép Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Doãn Mậu Diệp

THÀNH TÍCH KHEN THƯỞNG



Phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước

Năm	Danh hiệu thi đua	Tham chiếu
2015	Huân chương Lao động hạng Ba	Quyết định số 2177/QĐ-CTN ngày 02/10/2015 của Chủ tịch nước
2014	Huân chương Độc lập hạng Ba	Quyết định số 625/QĐ-CTN ngày 12/3/2014 của Chủ tịch nước
2009	Huân chương Lao động hạng Nhất	Quyết định số 513/QĐ-CTN ngày 09/4/2009 của Chủ tịch nước
2009	Huân chương Lao động hạng Nhì	Quyết định số 66//QĐ-CTN ngày 09/1/2009 của Chủ tịch nước
2003	Huân chương Lao động hạng Ba	Quyết định số 874/QĐ-CTN ngày 26/11/2003 của Chủ tịch nước

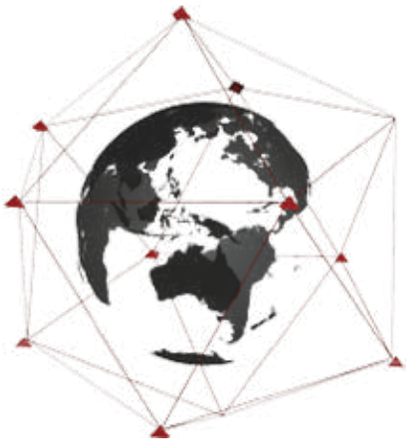
Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Tham chiếu
2018	Cờ thi đua của Bộ Xây dựng	QĐ 634/QĐ-BXD ngày 16/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2018	Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam	QĐ 193/QĐ-TLĐ ngày 15/01/2019 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
2018	Bằng khen của Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam	QĐ 54/2019/QĐ-VECAS của Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam
2017	Cờ thi đua của Bộ Xây dựng	QĐ 19/QĐ-BXD ngày 16/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2015	Tập thể Lao động xuất sắc năm 2015	QĐ 756/QĐ-BXD ngày 01/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2015	Cờ thi đua của Công đoàn Xây dựng Việt Nam	QĐ 06/QĐ-CĐXD ngày 06/01/2016 của Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam
2015	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	QĐ 1393/QĐ-BGTVT ngày 20/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT
2015	Giấy khen của Cục Thuế TP Hà Nội	QĐ 26065/QĐ-CT ngày 08/5/2015 của Cục Thuế TP Hà Nội
2015	Bằng khen của Đảng uỷ Khối các cơ quan TW	QĐ 2147-QĐ/ĐUK ngày 28/9/2015 của Đảng uỷ Khối các CQTW
2015	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	QĐ 758/QĐ-BXD ngày 01/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2014	Tập thể lao động xuất sắc năm 2014	QĐ 706/QĐ-BXD ngày 17/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2014	Cờ thi đua của Đảng ủy Khối các CQTW	QĐ 1853-QĐ/ĐUK ngày 31/3/2015 của Đảng ủy Khối các CQTW
2013	Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	QĐ 2128/QĐ-TLĐ ngày 30/12/2013 của Đoàn chủ tịch Tổng LĐ Lao động Việt Nam
2013	Cờ thi đua của Bộ Xây dựng năm 2013	QĐ 1355-QĐ-BXD ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2013	Bằng khen của Bộ Giao thông vận tải	QĐ 1752/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT
2013	Bằng khen của Bộ Y tế	QĐ 1787/QĐ-BYT ngày 24/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2013	Bằng khen của Đảng uỷ Khối các cơ quan TW	QĐ 864-QĐ/ĐUK ngày 02/4/2013 của Đảng uỷ Khối các cơ quan TW
2012	Bằng khen của Chủ tịch tỉnh Luông Pha Băng, CHDCND Lào	QĐ 7412/SĐ ngày 20/12/2012 của Chủ tịch tỉnh Luông Pha Băng, nước CHDCND Lào
2012	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính CHDCND Lào	QĐ 3551/CNG ngày 14/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính nước CHDCND Lào
2012	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính	QĐ 3135/QĐ-BTC ngày 11/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
2012	Bằng khen của Bộ Văn hoá, thể thao và du lịch	QĐ 1265/QĐ-BVHTTDL ngày 05/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, thể thao & du lịch
2012	Tập thể lao động xuất sắc năm 2012	QĐ 315/QĐ-BXD ngày 28/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2012	Cờ thi đua của Bộ Xây dựng năm 2012	QĐ 11/QĐ-BXD ngày 07/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2012	Bằng khen của Văn phòng Quốc hội	QĐ 15/QĐ-VPQH ngày 10/01/2012 của Chủ nhiệm VPQH
2012	Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	QĐ 315/QĐ-TLĐ ngày 22/01/2013 của Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
2011	Cờ thi đua của Chính phủ năm 2011	QĐ 2476/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ
2011	Tập thể lao động xuất sắc năm 2011	QĐ 210/QĐ-BXD ngày 08/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2011	Bằng khen của Chính phủ nước CHDCND Lào	QĐ 44430/BNH ngày 30/11/2011 của Thủ tướng nước CHDCND Lào
2011	Bằng khen của Bộ Công an	QĐ 3079/QĐ-BCA ngày 03/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an
2010	Bằng khen của UBND TP Hà Nội	QĐ 4913/QĐ-UBND ngày 05/10/2010 của UBND TP Hà Nội

Hình thức khen thưởng

Năm	Tham chiếu
2022	Top 10 Thương hiệu Mạnh ngành Xây dựng - Vật liệu xây dựng 2022
2017	Top 10 Thương hiệu - Nhãn hiệu tiêu biểu ngành Xây dựng Việt Nam 2017
2017	Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng năm 2017
2017	Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam 2017
2016	Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam 2017
2013	Global Ethics Awards - Đạo đức toàn cầu UNESCO 2014
2011, 2012	Thương hiệu mạnh Việt Nam
2009	Doanh nghiệp vì cộng đồng
2003	Sao vàng đất Việt

Và nhiều phần thưởng cao quý khác do Đảng, Nhà nước và khách hàng trao tặng



CONINCO SẺ CHIA ĐỂ KẾT NỐI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

HỆ THỐNG CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

1- CONINCO-MI
CÔNG TY CP CONINCO MÁY XÂY DỰNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP
Website: www.conincomi.vn

2- CONINCO-CE
CÔNG TY CP CONINCO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG
Website: www.coninco-ce.com.vn

3- CONINCO-THĂNG LONG
CÔNG TY CP CONINCO THĂNG LONG
Website: www.conincothanglong.vn

4- CONINCO-3C
CÔNG TY CP CONINCO 3C
Website: www.coninco3c.vn

5- CONINCO-HOUSING
CÔNG TY CP CONINCO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG & TƯ VẤN XÂY DỰNG
Website: www.coninco-housing.com.vn

6- CONINCO-VJ
CÔNG TY CP CONINCO THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG VIỆT NHẬT
Website: www.conincovj.com

7- CONIMEC
CÔNG TY CP KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN CONINCO
Website: www.conimec.vn

8 - CONSAFE
CÔNG TY CỔ PHẦN CONINCO SAFETY

9- CONINCO LÀO
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN CÔNG NGHỆ,
THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO LÀO

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự,
quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
Điện thoại: (+84-24) 38523706
Email: conincohn@coninco.com.vn

CHI NHÁNH

Địa chỉ: Số 34 Phổ Quang, phường 2,
quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84-28) 39972359
Email: conincohcm@coninco.com.vn

Phiên bản 2022